

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Khó có thể nói có ai đó là hoàn hảo, mặt nào cũng tốt, khi nào cũng tốt và ai đó là hoàn toàn ngược lại, không có gì đáng giá cả, cuộc đời họ là một màu đen tuyền.

Ngay cả người được coi là xấu nhất, nếu chịu khó nhìn kỹ, theo dõi kỹ, ta vẫn cảm nhận được không ít điều hay lẽ phải với những nét hấp dẫn mà chưa chắc người bình thường đã có. Còn người tốt thì cũng đừng có nghĩ rằng không có lúc nào họ xấu hoặc có những mặt những tính chất khác người khó chịu, làm nhiều người phiền muộn.

Vấn đề ta thường thấy ở đây là có người tốt nhiều, người tốt ít, người xấu nhiều, người xấu ít hoặc người này bản chất là tốt hay người kia bản chất là xấu.

Nhà văn hóa M. Twain (Mỹ) có dùng một hình ảnh khá chí lý: "Ai cũng có một vầng trăng trắng và một đám mây đen". Câu nói đó có ý nghĩa tích cực là khuyên răn con người hãy luôn làm cho ánh hào quang của vầng trăng thêm rực rỡ và xóa dần màu xám xịt của đám mây đen. Người tốt cũng đừng chủ quan là mình sẽ không biến chất và người xấu cũng không phải không giáo dục được, không tự tu dưỡng điều chỉnh mình được.

Đời người là một sự phấn đấu không ngừng, một sự điều chỉnh bổ sung liên tục.

(Phong cách sống của người đời, Nhà báo Trường Giang, <https://www.chungta.com>)

Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Theo tác giả, *Vấn đề ta thường thấy* là vấn đề gì?

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng 01 biện pháp tu từ trong câu: *"Ai cũng có một vầng trăng trắng và một đám mây đen"*.

Câu 3. Theo anh/chị, việc xóa dần màu xám xịt của đám mây đen thể hiện trong văn bản có tác dụng gì?

Câu 4. Lời khuyên về người tốt và người xấu của tác giả gợi anh/chị suy nghĩ gì?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)**Câu 1. (2,0 điểm)**

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc **phát triển bản thân** trong cuộc sống

Câu 2. (5,0 điểm)

... Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại, réo to mãi lên. Tiếng thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng. Tới cái thác rồi. Ngoặt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xóa cả một chân gòir đá. Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng ầm ầm mà quạnh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhổm cả dậy để vồ lấy thuyền. Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này. Mặt sông rung tí lên như tuyết-bìn thủy điện nơi đáy hầm đập. Mặt sông trắng xóa càng làm bật rõ lên những hòn những tảng mới trông tưởng như nó đứng nó ngồi nó nằm tùy theo sở thích tự động của đá to đá bé. Nhưng hình như sông Đà đã giao việc cho mỗi hòn. Mới thấy rằng đây là nó bày thạch trận trên sông. Đám tảng đám hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông đòi ăn chết cái thuyền, một cái thuyền đơn độc không còn biết lùi đi đâu để tránh một cuộc giáp lá cà có đá dàn trận địa sẵn. Hàng tiền vệ, có hai hòn canh một cửa đá trông như là sơ hở, nhưng chính là hai đứa giữ vai trò dụ cái thuyền đối phương đi vào sâu nữa, vào tận tuyến giữa rồi nước sông luồng mới đánh khuỷp quật vu hồi lại. Nếu lọt vào đây rồi mà cái thuyền du kích ấy vẫn chọc thủng được

tuyến hai, thì nhiệm vụ của những boong-ke chìm và pháo đài đá nổi ở tuyến ba là phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyến trên, phải tiêu diệt thuyền trưởng cùng tất cả thủy thủ ngay ở chân thác. Thạch trận dần bày vừa xong thì cái thuyền vụt tới. Phối hợp với đá, nước thác reo hò làm thanh viện cho đá, những hòn đá bệ vệ oai phong lẫm liệt. Một hòn ấy trông nghiêng thì y như là đang hất hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến. Một hòn khác lùi lại một chút và thách thức cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào. ..

(Người lái đò sông Đà, Nguyễn Tuân)

Cảm nhận của anh/ chị về đẹp hình tượng sông Đà ở đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Theo tác giả, vấn đề ta thường thấy là: <i>có người tốt nhiều, người tốt ít, người xấu nhiều, người xấu ít hoặc người này bản chất là tốt hay người kia bản chất là xấu.</i>	0.5
	2	-Học sinh chỉ ra và nêu tác dụng 01 trong 02 biện pháp tu từ trong câu: "<i>Ai cũng có một vàng trắng và một đám mây đen</i>". a. Biện pháp tu từ: ẩn dụ: “vàng trắng”- mặt tốt của con người, “mây đen”- mặt xấu của con người. b. Phép đối: “vàng trắng” đối lập với “mây đen”. - Tác dụng: giúp cho lời diễn đạt trở nên sinh động, gợi hình, gợi cảm, cụ thể, ấn tượng hơn. Đồng thời nhấn mạnh vào tính tốt xấu của con người, qua đó thể hiện cái nhìn toàn diện khi đánh giá con người của người viết.	0.5
	3	Việc <i>xóa dần màu xám xịt của đám mây đen</i> có tác dụng : - Giúp con người tìm thấy điểm yếu của bản thân và cải thiện chúng nhằm đem lại cho mình sức mạnh thay đổi nhiều khía cạnh của cuộc sống; giải quyết các vấn đề một cách dễ dàng hơn và con người sẽ nhận ra rằng, dù khó khăn thế nào thì vẫn sẽ có cách để thành công. - Giúp con người vượt ra khỏi vùng an toàn của bản thân để làm những điều chưa bao giờ dám nghĩ. Thay vì luôn e sợ và quần quanh với những điều quen thuộc thì giờ đây, con người có thể suy nghĩ đến những cảnh tượng mới mẻ hơn và tốt đẹp hơn.	1.0
	4	Lời khuyên về <i>người tốt</i> và <i>người xấu</i> của tác giả gợi suy nghĩ : - Học sinh tóm lược lại lời khuyên về <i>người tốt</i> và <i>người xấu</i> của tác giả thể hiện trong văn bản: <i>Người tốt</i> cũng có lúc mắc sai lầm biến thành người xấu; còn <i>người xấu</i> nếu tìm hiểu kĩ, họ vẫn có <i>không ít điều hay lẽ phải</i> với những nét hấp dẫn; - Nêu suy nghĩ bản thân: Khi đã thành người tốt, càng phải giữ vững và phát huy những điều tốt đẹp, không rơi vào tự cao, tự mãn. Khi lỡ làm điều sai lầm, rơi vào cái xấu, cần phải tìm cách sửa chữa cái sai kịp thời, đừng nên tự ti, mặc cảm tội lỗi.	1.0

II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ ý nghĩa của việc phát triển bản thân trong cuộc sống.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: ý nghĩa của việc phát triển bản thân trong cuộc sống.	0.25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ ý nghĩa của việc phát triển bản thân trong cuộc sống. Có thể triển khai theo hướng sau: - Giải thích: phát triển bản thân là: hoạt động liên quan đến học hỏi, tìm tòi nâng cao kiến thức, hình ảnh của bản thân, từ đó con người sẽ phát triển tài năng, tích lũy tri thức cho sự nghiệp trong cuộc sống. - Ý nghĩa của việc phát triển bản thân: + Phát triển bản thân tạo cho con người sự bền bỉ, gắng sức học tập và tu dưỡng phẩm chất, trau dồi kĩ năng, lối sống nhằm hoàn thiện bản thân mình để vươn tới những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống. + Phát triển bản thân giúp con người trở nên năng nổ, cần cù, sáng tạo trong công việc, đạt được nhiều thành tựu và còn tạo cho họ nhiều cơ hội trong cuộc sống. + Phát triển bản thân tạo nên sức mạnh tinh thần để chiến thắng chính mình, thay cái xấu thành cái tốt. + Người luôn phát triển bản thân sẽ tạo ra được nhiều mối quan hệ chất lượng, truyền cảm hứng, lan tỏa được những thông điệp tích cực trong cuộc sống, được mọi người ngưỡng mộ, tín nhiệm và yêu quý. + Người luôn phát triển bản thân sẽ được cấp trên chú ý và giao phó những công việc quan trọng. + Người luôn phát triển bản thân sẽ tạo ra được nhiều giá trị vật chất và tinh thần, từ đó đời sống của bản thân và gia đình được nâng cao. - Bài học nhận thức và hành động. + Mỗi người cần có nhận thức đúng đắn về việc phát triển bản thân trong cuộc sống là rất cần thiết, nhằm khẳng định vị trí của mình trong xã hội. + Mỗi người cần có hành động đúng đắn: sống là hành động, phấn đấu không ngừng nghỉ để biến ước mơ, hoài bão thành hiện thực.	1.00
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt	0,25

		câu.	
	2	Cảm nhận của anh/ chị về đẹp hình tượng sông Đà ở đoạn trích. Từ đó, nhận xét phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân.	5,0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn văn xuôi (có ý phụ) Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	(0,25)
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Hình tượng sông Đà ở đoạn trích; phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân.	(0,25)
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 - Nguyễn Tuân là nhà văn tiêu biểu của văn xuôi hiện đại Việt Nam. - Tuỳ bút Người lái đò sông Đà là tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám 1945. -Vẻ đẹp dòng sông Đà thể hiện rõ phong cách tài hoa uyên bác của Nguyễn Tuân. 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát về tuỳ bút, đoạn trích: 0.25 đ - Về hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, nội dung, nghệ thuật của tác phẩm; - Vị trí, nội dung đoạn trích. b. Cảm nhận về đẹp của sông Đà trong đoạn trích: 2.5đ - Về nội dung: (2.0đ) + Nước thác trên Sông Đà : Nguyễn Tuân đã buộc sự dữ dội, nham hiểm của sông Đà phải hiện lên thành hình và gào thét bằng trăm ngàn âm thanh. Sự liên tưởng của tác giả độc đáo ở chỗ: âm thanh của tự nhiên (tiếng thác) được đổi thành tiếng gầm đau đớn, lòng lộn của hàng ngàn con trâu mộng da cháy bùng bùng; và còn tài tình ở chỗ tác giả đã đem thủy (thác nước) so sánh với hỏa (rừng lửa). Sức mạnh hoang dã của tự nhiên qua tài đối sánh, qua trí tưởng tượng phong phú, độc lạ của Nguyễn Tuân đã gây ấn tượng trong người đọc về sự dữ dội, y như một trận động rừng hay cháy rừng khủng khiếp của nước thác trên sông Đà. + Thạch trận trên Sông Đà : ++Đội quân thạch giang trên Sông Đà khá hùng hậu, cả một chân trời đá, ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông. ++Dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân, mỗi hòn đá như có một gương mặt riêng: hòn thì ngổ ngáo, hiêu chiến (mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhôm cả dậy để vồ lấy thuyền), hòn thì ngổ ngược, hòn thì nhăn nhúm méo mó; mỗi hòn một dáng (nó đứng nó ngồi nó nằm tùy theo sở thích tự động của đá to đá bé); mỗi hòn một nhiệm vụ (đám tảng đám hòn chia làm ba hàng chặn	(4.00)

	ngang trên sông; hai hòn canh một cửa đá trông như là sơ hở, (...) giữ vai trò dụ cái thuyền đối phương đi vào sâu nữa; những boong-ke chìm và pháo đài đá nổi (...) phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyến trên, phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thủy thủ ngay ở chân thác.). ++Đề khắc họa từng gương mặt riêng của đá thác Sông Đà, tưởng như Nguyễn Tuân đã phải lao động cật lực, khổ công quan sát và tung ra trường từ vựng hết sức giàu có, phong phú về hành động (nhổm cả dây, vồ lấy, chặn ngang, dụ, đánh khuỷp quật vu hồi, đánh tan, tiêu diệt), tính cách (ngỗ ngược), hình sắc (nhăn nhúm, méo mó, to, bé), tư thế (đứng, ngồi, nằm). ++Sự phối hợp rất chặt chẽ giữa nước thác và đá thác trên sông: ++Từ xa, tiếng nước thác réo gần mãi lại réo to mãi lên, rồi rống lên vừa như phô trương sức mạnh vừa như uy hiếp, đe dọa con thuyền sắp qua thác nước Sông Đà. ++Sau đó, đến thác, một chân trời đá hiện hình và bày thạch trận trên sông. Đội quân thạch giang đủ loại lớn bé, đủ tư thế ngồi, nằm, đứng nhưng hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó và hiểm chiến. Mỗi hòn đá đều nhận đúng vị trí: Đám đá tảng thì chia làm ba hàng chặn ngang trên sông; hàng tiền vệ có hai hòn canh cửa; ở tuyến ba là những boong-ke chìm và pháo đài đá nổi. Với mỗi vị trí là một nhiệm vụ: Đám đá tảng sẽ ăn chết cái thuyền đơn độc; hai hòn đá canh ở hàng tiền vệ sẽ dụ cái thuyền đi vào sâu nữa; những boong-ke chìm và pháo đài đá nổi phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyến trên, phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thủy thủ ngay ở chân thác. Nhiệm vụ nào của đám thạch giang trên Sông Đà cũng hung hãn, quyết liệt, cũng thể hiện một quyết tâm tiêu diệt con thuyền đối phương đến cùng để giành chiến thắng. + Nhận xét: Đoạn trích là khúc ca ca ngợi vẻ đẹp hung bạo, hùng vĩ của sông Đà. Đó chính là sức mạnh của thiên nhiên mà con người cần chinh phục. Đó cũng chính là niềm tự hào của tác giả về Tổ quốc hùng vĩ, giàu đẹp. - Về nghệ thuật: (0.5) +Nguyễn Tuân đã dùng hết bút lực để dường như thi tài với tạo hoá. Ông dùng những câu góc cạnh, giàu tính tạo hình, những câu nhiều động từ mạnh nối tiếp nhau, dồn dập; +Nhà văn sử dụng lối nói ví von, ẩn dụ, tượng trưng, liên tưởng đầy bất ngờ, chính xác, thú vị. +Nhà văn đã vận dụng hiểu biết của nhiều ngành khác nhau: địa lý, lịch sử, hội họa, văn chương và những tri thức về tự nhiên để khắc họa vẻ đẹp của sông Đà. c. Nhận xét phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân. 0.75đ - Biểu hiện phong cách tài hoa, uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân: Ông không chấp nhận sự sáo mòn. Ông luôn tìm kiếm những	
--	---	--

	cách thức thể hiện, những đối tượng mới mẻ. Nhà văn luôn tiếp cận sự vật ở phương diện văn hóa thâm mĩ, có ấn tượng với những sự vật gây cảm giác mạnh (Sông Đà là một sinh thể như vậy). Tác giả bộc lộ sự tinh vi trong mĩ cảm với trường liên tưởng phong phú, ngôn ngữ vừa phong phú vừa tinh tế. Một cái tôi uyên bác khi huy động mọi kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để khắc họa hình tượng sông Đà. - Ý nghĩa: Qua phong cách tài hoa, uyên bác, Nguyễn Tuân là nhà văn có ý thức tự khẳng định cá tính độc đáo của mình. Chứng tỏ ông là người có một lòng yêu quê hương đất nước tha thiết, một cuộc đời lao động nghệ thuật khổ hạnh, một trí thức tâm huyết với nghề. Người đọc yêu hơn, trân trọng hơn phẩm chất, cốt cách của con người đáng quý này. 3.3.Kết bài: 0.25 - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẽ đẹp hình tượng con sông Đà; - Nêu cảm nghĩ về vẻ đẹp thiên nhiên và đóng góp của nhà văn cách mạng Nguyễn Tuân	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	(0,25)
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	(0,25)

ĐỀ PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA ĐỀ THI THAM KHẢO SỐ 2	KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Môn thi: NGỮ VĂN <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
--	---

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Bạn nói những gì, bạn làm điều gì, cảm thấy như thế nào – tất cả đều có nguồn gốc từ trong tâm trí bạn và bắt đầu chỉ bằng một ý nghĩ.

Suy nghĩ của chúng ta cũng giống như những hạt giống, mỗi suy nghĩ sẽ đem hoa kết trái để tạo ra một hương vị riêng biệt. Suy nghĩ có thể là sự sáng tạo hay phá hủy, yêu thương hay thù hận, nâng đỡ hay vùi dập. Khi chúng ta hiểu và học cách kiểm soát những suy nghĩ của bản thân thì chúng ta sẽ trải nghiệm được sự bình an, niềm hạnh phúc và sự vững vàng trong tâm hồn. Suy nghĩ tích cực dạy chúng ta cách hành động thay vì phản ứng; “hướng dẫn” cuộc đời ta thay vì để cho hành vi của người khác, những trải nghiệm quá khứ, hay hoàn cảnh hiện tại điều khiển tinh thần ta.

Theo tính toán, mỗi người trung bình có khoảng 30.000 đến 50.000 ý nghĩ mỗi ngày. Một tâm trí đang trong tình trạng stress sẽ tạo ra nhiều ý nghĩ hơn, có thể lên đến 80.000 ý nghĩ. Hẳn bạn đã từng rơi vào trạng thái căng thẳng thần kinh vì gặp phải một sự kiện đột ngột xảy ra trong đời, lúc đó có đến cả hàng ngàn ý nghĩ chạy dồn dập trong đầu bạn.

Tâm trí chúng ta có một khả năng rất lớn, làm việc không ngừng nghỉ ngay cả khi ngủ. Như đã nói, suy nghĩ chính là hạt giống cho những hành động và cảm xúc. Vì vậy, bằng cách tạo nên những suy nghĩ tích cực và lành mạnh, chúng ta đã kích hoạt tiềm năng tích cực của chính mình.

(Frederic Labarthe, Anthony Strano – Tư duy tích cực, NXB tổng hợp TPHCM, 2014, tr. 20-21)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Theo tác giả, những gì bạn nói, bạn làm, bạn cảm thấy được bắt nguồn từ đâu?

Câu 2. Anh/Chị hiểu như thế nào về quan điểm: Suy nghĩ tích cực “*“hướng dẫn” cuộc đời ta thay vì để cho hành vi của người khác, những trải nghiệm quá khứ, hay hoàn cảnh hiện tại điều khiển tinh thần ta*”.

Câu 3. Theo anh/chị, vì sao tác giả cho rằng: “*Khi chúng ta hiểu và học cách kiểm soát những suy nghĩ của bản thân thì chúng ta sẽ trải nghiệm được sự bình an, niềm hạnh phúc và sự vững vàng trong tâm hồn.*”

Câu 4. Anh/Chị có đồng tình với quan điểm “*suy nghĩ chính là hạt giống cho những hành động và cảm xúc*” không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (14,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 300 chữ) bàn về cách làm thế nào để có suy nghĩ và thái độ sống tích cực.

Câu 2. (5,0 điểm)

*Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa*

*Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ*

(Trích Sóng – Xuân Quỳnh, Ngữ Văn 12, tập 1, NXB Giáo dục, tr.156)

Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét cái tôi trữ tình của nhà thơ Xuân Quỳnh.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3 ,0
	1	Theo tác giả, những gì bạn nói, bạn làm, bạn cảm thấy được bắt nguồn từ: <i>trong tâm trí bạn và bắt đầu chỉ bằng một ý nghĩ</i>	0.5
	2	Quan điểm: Suy nghĩ tích cực “ <i>“hướng dẫn” cuộc đời ta thay vì để cho hành vi của người khác, những trải nghiệm quá khứ, hay hoàn cảnh hiện tại điều khiển tinh thần ta</i> ” có thể hiểu là: - Ý nghĩ, tư duy tích cực sẽ định hướng cho cuộc sống của mỗi người; tránh bị sự chi phối, tác động của người khác và của bất cứ hoàn cảnh nào. - Quan điểm khẳng định vai trò, tác dụng quan trọng của suy nghĩ tích cực đối với cuộc đời con người.	0.5
	3	Tác giả cho rằng: “ <i>Khi chúng ta hiểu và học cách kiểm soát những suy nghĩ của bản thân thì chúng ta sẽ trải nghiệm được sự bình an, niềm hạnh phúc và sự vững vàng trong tâm hồn</i> ” vì: - Khi hiểu và kiểm soát được ý nghĩ của mình, chúng ta sẽ cân bằng được cảm xúc, làm chủ được suy nghĩ, hành vi của bản thân. - Khi đó ta sẽ làm chủ được chính mình, tránh được những cảm xúc, ý nghĩ, hành động tiêu cực, sai trái. Từ đó chúng ta sẽ tìm thấy sự bình tâm, an yên và hạnh phúc trong tâm hồn...	1.0
	4	- Thí sinh đưa ra quan điểm của bản thân. - Lí giải hợp lí, logic, thuyết phục. Ví dụ một định hướng trả lời: - Đồng tình với quan điểm - Lí giải: Suy nghĩ của con người sẽ được biểu hiện qua lời nói, hành động, cảm xúc. Suy nghĩ sẽ chi phối trực tiếp và là cơ sở tạo ra hành động, cảm xúc. Nếu suy nghĩ tích cực, con người sẽ có được cảm xúc lành mạnh, hành động đúng đắn, ý nghĩa và ngược lại....	1.0
II	Câu	Nội dung	7,0
	1	Anh/Chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về cách làm thế nào để có suy nghĩ và thái độ sống tích cực.	2.0
		a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cách làm thế nào để có suy nghĩ và thái độ sống tích cực.</i>	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i>	1,0

	Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, kết hợp lí lẽ và dẫn chứng. Có thể triển khai theo định hướng sau: - Suy nghĩ, thái độ sống tích cực: là tư duy, nhìn nhận, thái độ ứng xử với mọi sự việc, sự vật, vấn đề theo chiều hướng tốt đẹp, lạc quan, tin tưởng; thấy được phương hướng để giải quyết mọi vấn đề trong cuộc sống. - Cách thức để có suy nghĩ và thái độ sống tích cực: + Nhận ra quy luật vận động của cuộc sống, tập thói quen nhìn nhận cuộc sống đa chiều, toàn diện. + Ý thức được vai trò quan trọng của cách điều chỉnh suy nghĩ và thái độ sống theo hướng tích cực. <i>Một người nhìn xuống vũng nước chỉ thấy vũng nước, còn người kia thấy những vì sao.</i> Hình thành thái độ sống tích cực, giúp con người sống vui vẻ, yêu đời, tận hưởng được nhiều vẻ đẹp, giá trị của cuộc sống. + Bản thân mỗi người phải hiểu và làm chủ được chính mình; khi gặp khó khăn thử thách, phải biết kiềm chế những suy nghĩ bi quan, thái độ sống tiêu cực, luôn có niềm tin vào những điều tốt đẹp, từ đó tìm ra những hướng đi, lựa chọn, hành động đúng đắn. + Luôn luôn hành động: đọc sách về những tấm gương nghị lực sống, bài học thành công,...; trải nghiệm, hoà mình với thiên nhiên và cuộc sống; liên tục đặt ra mục tiêu và hành động để đạt được mục tiêu;... - Phê phán những người bi quan, luôn chán nản, dễ dàng đầu hàng, gục ngã trước khó khăn, thử thách. - Để có suy nghĩ và thái độ sống tích cực không nên tự huỷ hoại bản thân hay ảo tưởng sức mạnh. - Bài học: Hướng đến lối sống, tư duy tích cực để tạo dựng cuộc sống tốt đẹp cho bản thân; cần rèn luyện thói quen tư duy, nâng cao kiến thức, tích cực trải nghiệm và luôn giữ được tinh thần lạc quan trong cuộc sống.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét cái tôi trữ tình của nhà thơ Xuân Quỳnh.	10,0
	1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn thơ (có ý phụ) Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. <i>(Nếu cảm nhận đoạn thơ mà không làm rõ ý phụ phần</i>	0,5

	<i>nhận xét thì không tính điểm cấu trúc)</i>	
	2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Về đẹp nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ; cái tôi trữ tình của nhà thơ Xuân Quỳnh.	0,5
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1.Mở bài: 0.25 – Giới thiệu tác giả Xuân Quỳnh và bài “ Sóng”. – Nêu vấn đề cần nghị luận 3.2.Thân bài: 3.50 a. Khái quát về bài thơ, đoạn thơ: 0.25 đ - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ - Tóm tắt nội dung, nêu bố cục, kết cấu bài thơ, vị trí đoạn thơ - Nêu cảm xúc chủ đạo của bài thơ b. Cảm nhận nội dung, nghệ thuật đoạn thơ: 2.5đ b.1. Về nội dung: - <i>Bốn dòng thơ đầu là những lo âu trăn trở của nhà thơ trước cuộc đời</i> + Đoạn thơ mở đầu chan chứa đầy ắp những nỗi âu lo, dự cảm của nữ sĩ . + Thế giới của thời gian và không gian được Xuân Quỳnh đặt cạnh nhau trong sự tương phản và đối lập giữa cái hữu hạn (kiếp người) và cái vô hạn (thời gian và biển lớn). + “Cuộc đời” và “năm tháng”, “biển rộng” và “mây trời” và kiểu câu điều kiện “<i>tuy-vẫn; dẫu-vẫn</i>” kết hợp các tính từ “<i>dài-rộng-xa</i>” tạo nên nỗi day dứt ám ảnh. + Đặt cái hữu hạn vào cái vô hạn tận của thời gian, nữ sĩ như thấy mình nhỏ bé, mong manh. + Cuộc đời thì dài nhưng năm tháng vẫn cứ thế đi qua; biển dẫu rộng nhưng không níu nổi một đám mây bay về cuối chân trời; thời gian vô thủy vô chung mà quỹ thời gian tuổi xuân của mỗi con người lại hữu hạn. +Với người phụ nữ, điều ám ảnh nhất vẫn là sợ sự tàn phai, tàn phai năm tháng, tàn phai của tuổi trẻ, của nhan sắc và theo đó là sự tàn phai của tình yêu. +Thế mới biết, hạnh phúc của người phụ nữ phụ thuộc rất nhiều vào hai yếu tố: nhan sắc và tình yêu. +Điều đó chứng tỏ, tình yêu có sức mạnh vô biên nhưng cũng đầy mong manh bởi “<i>lời yêu mỏng mảnh như làn khói – ai biết lòng anh có đổi thay</i>” +Và cả chính hình ảnh “mây vẫn bay về xa” kia	3,0

	trong câu thơ cuối cũng đầy những ám ảnh. Phải chăng vì biết trước không có gì vĩnh viễn – “<i>hôm nay yêu mai chắc phải xa rồi</i>” - Bốn dòng thơ sau là nỗi khao khát mãnh liệt về một tình yêu chung thủy, vĩnh hằng + Mở đầu bài thơ là con sóng bỏ bờ để “tìm ra tận bể” và khổ thơ cuối cùng này như tâm nguyện đã hoàn thành của sóng. Còn em thì sao? (<i>Làm sao được tan ra/ Thành trăm con sóng nhỏ</i>) + Hai chữ “làm sao” như tả hết được những trăn trở, băn khoăn, niềm mong mỏi, khát khao mãnh liệt của người phụ nữ, khát vọng được hóa thành trăm con sóng nhỏ. Khát vọng được tan thành trăm con sóng nhỏ là khát vọng được cho đi và dâng hiến cho tình yêu. + Hai chữ “tan ra” gợi ra nhiều cách hiểu: ++ “Tan ra” là hoà tan chứ không hoà nhập, không phải là mất đi, không phải là để tan loãng vào cõi hư vô mà “tan ra” là hi sinh, là dâng hiến, là khao khát được hoá thân cái tôi cá thể vào “trăm con sóng nhỏ” để hoà mình vào “biển lớn tình yêu” ++ “Tan ra” còn là để vượt qua mọi giới hạn không gian, thời gian để trường tồn cùng tình yêu. Trong phút giây giao hoà của cảm xúc thì “tan ra” hay “tan vào nhau” đều là biểu hiện của sự trọn vẹn, thăng hoa. + Hai câu thơ cuối khép lại đoạn thơ như lời kết cho một quan niệm tình yêu hoàn mỹ (Giữa biển lớn tình yêu/ Để ngàn năm còn vỗ) + Ở đây, Xuân Quỳnh đã đặt “biển lớn” – không gian vô tận bên cạnh “ngàn năm” thời gian vô cùng. Ý thơ vì thế trở nên mênh mông như tình yêu nỗi dài vô tận. + Khi hoà vào biển lớn tình yêu của nhân loại thì tình yêu của những cá thể sẽ không còn cô đơn + Sự trường tồn bất tử với thời gian, không gian làm nỗi day dứt hữu hạn và những mong manh của cõi người như cũng tan biến. + Ở đó chỉ còn thấy sóng vỗ bờ và “còn vỗ” là còn yêu, còn vỗ bờ là còn tồn tại. -Về nghệ thuật: + Đoạn thơ sử dụng thể thơ ngũ ngôn giàu nhịp điệu diễn tả đúng những cung bậc cảm xúc của tình yêu. + Đoạn thơ còn sử dụng các phép tu từ nhân hoá, ẩn dụ...rất thành công. Ngôn ngữ thơ chọn lọc, tinh tế; giọng thơ mềm mại, nữ tính...dễ đi vào lòng người. c. Nhận xét cái tôi trữ tình của nhà thơ Xuân Quỳnh.	
--	--	--

	0.75đ - Cái <i>tôi</i> nhạy cảm, day dứt về giới hạn của tình yêu và sự hữu hạn của kiếp người: Bằng sự chiêm nghiệm của một trái tim đa cảm và sự từng trải, nhà thơ đã sớm nhận ra nghịch lý: đời người là ngắn ngủi so với thời gian vô thủy, vô chung. Khát vọng tình yêu là vô cùng mà kiếp sống của mỗi người là hữu hạn. - Cái <i>tôi</i> tìm cách hóa giải nghịch lý nỗi day dứt bằng khát vọng hóa thân vào sóng, hòa nhập vào <i>biển lớn tình yêu</i> để mãi mãi được yêu thương và dâng hiến, để tình yêu vượt qua sự hữu hạn của phận người; - Cái <i>tôi</i> được thể hiện bằng thể thơ ngũ ngôn với nhịp thơ linh hoạt, giọng điệu chân thành, da diết, cặp hình tượng “sóng” và “em” vừa sóng đôi, vừa bổ sung hòa quyện vào nhau cùng để thể hiện một trái tim yêu tha thiết, nồng nàn. 3.3.Kết bài: 0.25 - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp của đoạn thơ; - Nêu cảm nghĩ về khát vọng tình yêu của nhà thơ.	
	4. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,5
	5. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0.5
TỔNG ĐIỂM		10,0

ĐỀ PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA ĐỀ THI THAM KHẢO SỐ 3	KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Môn thi: NGŨ VĂN <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
--	---

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau

Lại gắp lại cánh chuồn ngày thơ bé
Bay đàn nhau dệt mảnh nắng cuối cùng
Con chuồn ngô hay làm dáng
Chao mình soi mặt ao trong
Đốt cháy lòng một nét chờ mong
Con chuồn đỏ thân ngời như ngọn lửa

*Con chuồn vẫn mang những điều kỳ lạ
Với đĩa tré nào chưa biết bơi
Ôi cánh chuồn gọi những buồn vui
Cánh chuồn nào bay vào những nỗi nhớ?
Ngọn sào thừa cánh chuồn ai ngái ngủ
Những cánh chuồn mỏng manh như tình yêu!
Gió heo may hôm nay về chẳng
Mà chuồn chuồn bay về dăng dăng
Báo cơn bão phương nào thổi tới?*

*Đường sẽ vắng nếu trời bão nổi
Cánh cửa nhà sập lại trước khi mưa
Con chim tìm tránh bão sẽ về xa
Con kiến nhỏ cũng ẩn mình trong tổ
Không còn trời xanh chỉ mưa và gió
Những dòng sông không nhà cửa miên man
Và mây, mây khắp chốn lang thang
Chặn bốn phía những cỏ cây tội nghiệp
Cho cơn lốc dữ tợn về bẻ nát
Trái đất này sẽ nhận chìm trong mưa
Không tìm đâu một chỗ nương nhờ!
Mỏng manh thế chịu làm sao nổi
Chuồn chuồn ơi báo làm chi bão tới
Trời bão lên rồi mây ở đâu?*

(Xuân Quỳnh, Chuồn chuồn báo bão, dẫn theo www.thivien.net)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra những hình ảnh miêu tả cuộc sống khi bão nổi.

Câu 3. Phân tích hiệu quả của việc sử dụng câu hỏi tu từ ở cuối văn bản.

Câu 4. Nhận xét về hình tượng những con chuồn chuồn trong văn bản.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của bản thân về giá trị của truyền thống trong đời sống hiện đại.

Câu 2 (5,0 điểm)

Làng ở trong tâm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, hoặc buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và sẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu cạnh con nước lớn. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn.

Trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khoẻ như vậy. Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Cũng

có ít loại cây ham ánh sáng mặt trời đến thế. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lỏng lẻo vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng. Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng. Chúng vượt lên rất nhanh, thay thế những cây đã ngã... Cứ thế hai ba năm nay rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...

Đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp tới chân trời.

(Trích *Rừng xà nu*, Nguyễn Trung Thành, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2008, Tr.38)

Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp của hình tượng cây xà nu trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét bút pháp miêu tả thiên nhiên của nhà văn Nguyễn Trung Thành.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Thể thơ: tự do	0,75
	2	Những hình ảnh miêu tả cuộc sống khi bão nổi: đường vắng, cánh cửa nhà sập lại, con chim tìm tránh bão, con kiến nhỏ ẩn mình trong tổ...	0,75
	3	- Câu hỏi tu từ: <i>Mông manh thế chịu làm sao nổi</i> <i>Chuồn chuồn ơi báo làm chi bão tới</i> <i>Trời bão lên rồi mây ở đâu?</i> - Tác dụng: + Nhấn mạnh nỗi xót xa, thương cảm, lo lắng cho những cánh chuồn bé nhỏ, mỏng manh trước cơn bão. + Tác giả thể hiện tấm lòng yêu thương dành cho những loài vật bé nhỏ đồng thời suy ngẫm về con người trước những bão giông cuộc đời. + Tạo nhịp điệu đa diết, trầm trở cho lời thơ.	1,0
	4	- Hình tượng những cánh chuồn trong văn bản: + Đa dạng, mỗi loài có một đặc điểm riêng + Gắn với những kỉ niệm tuổi thơ êm đềm + Mỏng manh, thường được coi là dấu hiệu báo bão - Nhận xét: + Hình ảnh những cánh chuồn được miêu tả chân thực, sinh động và hấp dẫn trong văn bản. + Đây không chỉ là hình ảnh thực mà còn mang ý nghĩa biểu tượng cho những lo âu, trầm trở, khắc khoải thường trực trong thơ Xuân Quỳnh.	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ về giá trị của truyền	2,0

		thống trong cuộc sống hiện đại.	
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Giá trị của truyền thống trong cuộc sống hiện đại.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vấn đề sức mạnh của hi vọng trong cuộc sống. Có thể theo hướng: - Truyền thống là những yếu tố thuộc cả lĩnh vực vật chất và tinh thần được hình thành, gìn giữ trong chiều dài lịch sử và trở thành bản sắc riêng của một dân tộc. - Truyền thống có giá trị đặc biệt lớn lao trong đời sống hiện đại: + Là động lực thúc đẩy các thế hệ sau hành động để tiếp nối, phát triển, làm rạng danh dân tộc. + Giúp mỗi người hiểu hơn về cội nguồn, quê hương, đất nước, bồi bổ tâm hồn, hướng tới lối sống tích cực, ý nghĩa. + Gắn kết các thành viên trong cộng đồng dân tộc, thúc đẩy sự phát triển của xã hội...	1,0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Cảm nhận về vẻ đẹp của hình tượng cây xà nu trong đoạn trích trong “Rừng xà nu”. Từ đó, nhận xét bút pháp miêu tả thiên nhiên của nhà văn Nguyễn Trung Thành.	5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Cảm nhận về vẻ đẹp của hình tượng cây xà nu trong đoạn trích trong “Rừng xà nu”. Từ đó, nhận xét bút pháp miêu tả thiên nhiên của nhà văn Nguyễn Trung Thành.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng; bảo đảm các yêu cầu sau:	
		<i>*Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Trung Thành, tác phẩm và hình tượng cây xà nu trong đoạn trích.</i>	0,5
		<i>* Cảm nhận hình tượng cây xà nu trong đoạn trích</i> – Cây xà nu, rừng xà nu đau thương trong bom đạn: + Năm 1965, đế quốc Mỹ đưa quân vào miền Nam, chúng mở rộng cuộc chiến tranh và dập tắt các phong trào đấu tranh cách mạng trên mảnh đất Tây Nguyên. Hình ảnh cây xà nu, rừng xà nu cùng chịu chung số phận từ bom đạn của kẻ thù	2,5

	với hình ảnh <i>Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn.</i> Với đoạn văn miêu tả thật sống động, nhà văn đã thổi vào cây xà nu, rừng xà nu như một sinh thể có hồn, mang dáng vẻ của một con người, một tập thể đang chịu đựng trước sự tàn phá do bom đạn của đế quốc. Đặc biệt, với nghệ thuật tăng cấp <i>cả rừng xà nu không có cây nào không bị thương</i> chứng tỏ, bom đạn của đế quốc, chúng ra sức hủy diệt sức sống của thiên nhiên, môi trường sống của con người với chính sách <i>đốt sạch, quét sạch, giết sạch</i>. Hình ảnh <i>nhựa ứa ra, tràn trề ... và đặc quện thành từng cục máu lớn</i>, một hình ảnh nhân hóa độc đáo, chứng tỏ nhựa xà nu chính là hơi thở, mạch sống là máu thịt của con người Tây Nguyên đang chịu đựng sự đau thương tàn khốc trước bom đạn của Đế quốc, càng khơi dậy lòng căm thù sâu sắc của người dân Tây Nguyên đối với quân giặc thật vô cùng. + Hình ảnh cây xà nu tiếp tục khắc họa với nét bút độc đáo của Nguyễn Trung Thành, tác giả đã thổi vào cây xà nu mang dáng vẻ như con người đang hứng chịu trước bom đạn tàn khốc của đế quốc qua hình ảnh thật xúc động: <i>Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đạn đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết.</i> Với ngôn ngữ tạo hình độc đáo, tác giả khắc họa hình ảnh cây xà nu con đang vươn mình tràn đầy sức sống nhưng bom đạn của kẻ thù ra sức hủy diệt, những cây con không đủ sức đề kháng, vết thương cứ loét mãi ra rồi cây chết, càng gợi cho người đọc thấy rõ sức sống thiên nhiên bị hủy diệt cũng là sự hủy diệt cả hơi thở của người dân Tây Nguyên, càng cho chúng ta thấy rõ bom đạn tội ác của đế quốc trong chiến tranh Việt Nam thật vô cùng tàn bạo. - Cây xà nu, rừng xà nu có sức sống mãnh liệt + Rừng xà nu nằm cạnh con nước lớn ngang tầm đạn đại bác của giặc, mỗi ngày đều chịu sự tàn phá khốc liệt do bom đạn của kẻ thù, nhưng cây xà nu vẫn vươn mình trỗi dậy, đón nhận ánh sáng của mặt trời, toát lên một sức sống mãnh liệt, hiên ngang, bất khuất như tinh thần bất khuất của người dân Tây Nguyên trước kẻ thù, với hình ảnh: <i>Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời.</i> Bằng nghệ thuật tăng cấp, kết hợp với biện pháp nhân hóa, so sánh, tác giả cho chúng ta hình dung sức sống mạnh mẽ của cây xà nu, khi một cây ngã gục lại nhiều cây khác trỗi lên, nhú lên <i>ngọn xanh rờn</i>, chứng tỏ sức sống tiềm tàng của cây xà nu thật mãnh liệt. + Sức sống của cây xà nu vẫn hiên ngang, ngạo nghễ thách thức trước bom đạn kẻ thù với hình ảnh nhân hóa độc đáo, sáng tạo qua ngòi bút của Nguyễn Trung Thành: <i>Có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng.</i>	
--	--	--

	Qua đoạn văn miêu tả vừa hiện thực vừa lãng mạn, tác giả khắc họa hình ảnh cây xà nu mang một sức sống tiềm tàng, bất diệt. Nó có sức đề kháng rất mãnh liệt trước bom đạn tối tân của đế quốc, toát lên một dáng vẻ mạnh mẽ cường tráng, ngạo nghễ, cho chúng ta liên tưởng tinh thần bất khuất của người dân Xô Man dù đối diện trước bom đạn cùng hành động tàn bạo, khủng bố, dã man của kẻ thù, nhưng không thể nào dập tắt ngọn lửa đấu tranh của họ. Họ vẫn bất khuất kiên cường dưới ngọn cờ cách mạng. – Cây xà nu, rừng xà nu sừng sững tiếp nối bất diệt. + Trước sự tàn phá của kẻ thù nhằm hủy diệt sức sống thiên nhiên và cuộc sống con người Tây Nguyên, chúng ra sức tàn phá, đàn áp, khủng bố nhằm dập tắt cuộc đấu tranh của nhân dân Tây Nguyên tiêu biểu là dân làng Xô Man. Nhưng lạ thay, đã bao năm qua, cây xà nu, rừng xà nu vẫn sinh sôi nảy lộc, vươn mình khoe sắc dưới ánh sáng mặt trời, <i>vẫn ưỡn tấm ngực lớn của mình ra che chở cho làng</i>, một hình ảnh so sánh nhân hóa độc đáo, toát lên vẻ đẹp giữa thiên nhiên và con người Tây Nguyên thật kiên cường bất khuất. + Hình ảnh <i>Đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp tới chân</i> như một biểu tượng cho sức sống bất diệt, vượt lên sự khắc nghiệt do bom đạn của đế quốc của xà nu nói riêng và người dân Tây Nguyên nói chung. - Hình tượng cây xà nu được xây dựng bằng nghệ thuật độc đáo: + Kết hợp miêu tả bao quát lẫn cụ thể, khi dựng lên hình ảnh cả khu rừng, khi đặc tả cận cảnh một số cây. + Phối hợp cảm nhận của nhiều giác quan trong việc miêu tả những cây xà nu với vóc dáng đầy sức lực, tràn trề mùi nhựa thơm, ngời xanh dưới ánh nắng... + Miêu tả cây xà nu trong sự so sánh, đối chiếu thường xuyên với con người. Các hình thức nhân hóa, ẩn dụ, tượng trưng đều được vận dụng nhằm thể hiện sống động vẻ hùng vĩ, khoáng đạt của thiên nhiên đồng thời gợi nhiều suy tưởng sâu xa về con người, về đời sống. + Giọng văn đầy biểu cảm với những cụm từ được lặp đi lặp lại gây cảm tưởng đoạn văn giống như một đoạn thơ trữ tình.	
	<i>* Nhận xét bút pháp miêu tả thiên nhiên của nhà văn Nguyễn Trung Thành - Tác giả đã sử dụng bút pháp miêu tả giàu chất sử thi và đậm chất lãng mạn, bay bổng khi tạo dựng đối lập giữa sự tàn khốc của chiến tranh với sức sống của cây xà nu; tạo dựng được một bức tranh hoành tráng và đầy lãng mạn về cây xà nu, rừng xà nu (không gian ngút ngàn và hình tượng cây xà nu khỏe khoắn, mạnh mẽ, ham ánh sáng, khí trời, tràn đầy sinh lực, căng đầy nhựa sống,...); ngôn ngữ miêu tả trong đoạn trích khi mạnh mẽ, hùng tráng khi tha thiết, tự hào; vừa lãng mạn bay bổng vừa trữ tình sâu lắng... mạnh mẽ, hùng tráng khi miêu tả, nhấn mạnh sự khốc liệt của chiến tranh; tha thiết, tự hào khi miêu tả sức sống kì diệu của cây xà nu; điểm nhìn mang tính sử thi và cảm hứng lãng mạn: đó là một cái nhìn thể hiện sự khâm phục, trân trọng và ngưỡng vọng đối với cái cao cả; đó là cảm hứng ngợi ca, tôn vinh cái hùng, cái đẹp của thiên nhiên và con người...</i>	0,5

	- Bút pháp miêu tả thiên nhiên độc đáo của Nguyễn Trung Thành đã làm nên những trang văn chân thực mà đầy sức hấp dẫn, khiến hình tượng xà nu sống mãi trong tâm trí bạn đọc bao thế hệ.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
TỔNG ĐIỂM		10

-----Hết-----

ĐỀ PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA ĐỀ THI THAM KHẢO SỐ 4	KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Môn thi: NGỮ VĂN <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
---	--

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau

“Chiếc thẻ xanh” trong cuộc sống

1. Trong bóng đá, chúng ta đã quá quen với việc trọng tài rút ra các tấm thẻ màu vàng, màu đỏ để phạt các cầu thủ. Ít người biết rằng, trong bóng đá còn có tấm thẻ dù không phổ biến song rất giàu ý nghĩa – tấm thẻ màu xanh lục - phần thưởng cho các cầu thủ có hành động fair-play.

Ý tưởng về chiếc thẻ xanh có từ năm 2015 và đến tháng 1-2016 thì được Liên đoàn Bóng đá Ý chấp thuận đưa vào áp dụng ở các trận đấu thuộc Serie B. Ngày 10-10-2016, lần đầu tiên chiếc thẻ đặc biệt này được sử dụng. (...)

Từ khi ra đời đến nay, đã có nhiều cầu thủ ở Serie B nhận thẻ xanh đã được trao những phần thưởng đặc biệt vào mỗi cuối tháng. Dù thẻ xanh vẫn chưa được FIFA cho áp dụng rộng rãi, song không thể phủ nhận ý nghĩa quan trọng của chiếc thẻ này đối với việc lan tỏa và cổ xúy cho bóng đá đẹp.(...)

2. Báo điện tử Vnexpress.net mới đây vừa đăng tải một video clip kể lại một ứng xử đẹp trong cuộc sống: Anh Nguyễn Văn Lộc chạy xe máy trên cầu Bình Phước 2 (Quận 12, TP Hồ Chí Minh) thì nhìn thấy tờ tiền có mệnh giá 100.000 đồng bay ra từ một chiếc xe tải. Anh Lộc dừng xe đột ngột để nhặt tờ tiền khiến xe ô tô con do anh Huỳnh Bảo Toàn điều khiển, đâm tới từ phía sau. Anh Lộc bị hất văng khỏi xe máy, song may mắn không bị thương.

Anh Lộc sau đó lồm cồm đứng dậy và chủ động giải thích, nở nụ cười nói lời xin lỗi với anh Toàn. Qua trò chuyện, biết được hoàn cảnh khó khăn của anh Lộc, anh Toàn không những yêu cầu anh Lộc bồi thường mà còn quyết định tặng anh Lộc tiền sửa xe. Sau đó, anh Toàn còn quyết định tặng anh Lộc một chiếc xe máy còn mới để đi lại và phục vụ công việc, đồng thời mời anh Lộc về làm cho công ty của mình.

Khi nghe tin anh Toàn tặng cho mình chiếc xe máy mới, anh Lộc “quá vui, quá xúc động, đến gần sáng mới chợp mắt”. Giải thích về hành động của mình, anh Toàn cho biết: “Khi tai nạn, chú (anh Lộc) nhận lỗi ngay. Mình rất cảm kích việc chú thấy mình sai và nhận mình sai. Cộng thêm việc nữa là, chiếc xe này (xe máy của anh Lộc) đã cũ nát rồi”. Qua hành động của mình, anh Toàn chỉ muốn gửi gắm một thông điệp: “Khi xảy ra va chạm giao thông, mình biết sai, mình xin lỗi thì mọi chuyện sẽ nhẹ đi rất nhiều, mang lại cái kết rất đẹp”. Hành động của anh

Toàn đã được sự tán thưởng của nhiều người, cho rằng đó là “chuyện cổ tích giữa đời thường” – đối lập hoàn toàn so với những cái cọ thường thấy sau mỗi vụ va chạm giao thông. Anh Lộc và anh Toàn thật xứng đáng được nhận những “tấm thẻ xanh” để lan tỏa nhận thức và những hành động nhỏ mà đẹp trong cuộc sống.

(Dẫn theo Nguyễn Phong, <https://baothanhhoa.vn/the-thao-quoc-te/>, 11/3/2021)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản.

Câu 2. Theo tác giả, chiếc thẻ xanh trong bóng đá có ý nghĩa gì?

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về hình ảnh “chiếc thẻ xanh” ở cuối văn bản?

Câu 4. Qua văn bản, anh/chị suy nghĩ gì về ý nghĩa của việc biết nhìn nhận và sửa chữa sai lầm?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của bản thân về sự cần thiết của việc lắng nghe trong cuộc sống.

Câu 2 (5,0 điểm)

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

Đất Nước có trong những cái “ngày xửa ngày xưa...” mẹ thường hay kể

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Cái kèo, cái cột thành tên

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng

Đất Nước có từ ngày đó...

(Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước*, Ngữ văn 12, tập 1, NXBGD VN, 2018, tr.118)

Phân tích đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét về việc vận dụng chất liệu văn học dân gian của tác giả.

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phong cách ngôn ngữ: báo chí	0,75
	2	Theo tác giả, “chiếc thẻ xanh” trong bóng đá có ý nghĩa: + phần thưởng cho các cầu thủ có hành động fair-play. + lan tỏa và cổ xúy cho bóng đá đẹp	0,75
	3	Hình ảnh “chiếc thẻ xanh” ở cuối văn bản: Cũng giống như tấm thẻ xanh dùng để công nhận những hành động đẹp trong bóng đá, “chiếc thẻ xanh” trong đời thường không mang hình dáng rõ rệt của tấm thẻ trọng tài nhưng vẫn cho thấy sự trân trọng, tôn kính của mọi người đối với những con người có hành động đẹp.	1,0
	4	Ý nghĩa của việc biết nhìn nhận và sửa chữa sai lầm: - Trong cuộc sống, không ai không tránh khỏi những lúc mắc sai lầm, phạm phải nhiều lỗi lầm theo những mức độ khác nhau nên việc nhận lỗi và sửa sai lỗi sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, giúp ta hoàn thiện nhân cách, đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với mình. - Người biết nhận lỗi và sửa lỗi là người biết nhìn nhận thực tế, sẽ được người khác nhìn nhận và đánh giá cao,...	0,5
II		LÀM VĂN	7,0

	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ về sự cần thiết của việc lắng nghe trong cuộc sống.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> sự cần thiết của việc lắng nghe trong cuộc sống.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vấn đề sức mạnh của hi vọng trong cuộc sống. Có thể theo hướng: - Lắng nghe là quá trình chủ động, tập trung, trong đó người nghe phải nhẫn nại, chân thành lắng nghe những thanh âm cuộc sống quanh mình hoặc lắng nghe người khác bộc bạch, chia sẻ, trình bày quan điểm, ý kiến,... về những câu chuyện của họ. - Việc lắng nghe đem đến cho cơ hội được sở hữu chiếc chìa khóa diệu kỳ mở cánh cửa khám phá những điều tuyệt vời từ cuộc sống muôn màu. - Lắng nghe tạo nhịp cầu kết nối con người: “Người hạnh phúc là người lắng nghe; kẻ bất hạnh là kẻ thổ lộ”. Khi lắng nghe người khác, ta sẽ biết đặt mình vào vị trí của họ; để cảm thông với họ, thay vì vội vàng đưa ra những nhận định, phán xét, định kiến phiến diện, tiêu cực, khiến họ bị tổn thương. Biết lắng nghe, mỗi người sẽ sống bao dung, vị tha, chân thành hơn. - Lắng nghe giúp mỗi người tự rèn luyện cho mình tính nhẫn nại, kiên trì để đúc rút cho mình những bài học, kinh nghiệm quý báu - Lắng nghe là cách mỗi người thể hiện thái độ tôn trọng người khác, đồng thời nắm bắt thành công theo cách riêng của mình. - Lắng nghe cũng là con đường hóa giải các xung đột, mâu thuẫn lớn nhỏ trong đời sống, xã hội...	1,0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Phân tích đoạn thơ trong đoạn trích “Đất Nước”. Từ đó, nhận xét về việc sử dụng chất liệu văn học dân gian của tác giả.	5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Phân tích đoạn thơ trong đoạn trích “Đất Nước”. Từ đó, nhận xét về việc sử dụng chất liệu văn học dân gian của tác giả.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng; bảo đảm các yêu cầu sau:	
		<i>*Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Khoa Điềm, đoạn trích “Đất Nước” và đoạn thơ</i>	0,5
		<i>* Phân tích đoạn thơ</i> - 4 câu đầu: Cảm nghĩ về sự ra đời và lớn lên của ĐN	2,5

	+ Hai chữ “Đất Nước” được nhà thơ viết hoa thể hiện sự thành kính thiêng liêng mang niềm tự hào sâu sắc của tác giả khi viết về đất nước. + Câu thơ mở đầu như một lời khẳng định ngắn gọn, giản dị về sự hình thành của Đất Nước “Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi”. Đặt cội nguồn Đất Nước trong mối quan hệ gắn kết với hành trình trưởng thành của mỗi người, tác giả vừa gợi ra chiều dài lịch sử của Đất Nước vừa khẳng định Đất Nước là một phần không thể thiếu trong cuộc đời mỗi người ngay từ khi sinh ra. + Cội nguồn Đất Nước còn gắn với những truyện cổ tích quen thuộc: “Đất Nước có trong cái “ngày xửa ngày xưa” mẹ thường hay kể” Cụm từ "ngày xửa ngày xưa" gợi nhắc đến những truyện cổ tích ngọt ngào mẹ thường kể. Để rồi từ đó, dáng hình của Đất Nước dần hiện diện trong những điều bình dị và gần gũi. Đất Nước tựa như một sinh thể, cùng ta lớn lên, cùng ta trưởng thành, nuôi dưỡng tâm hồn ta bằng những tình cảm chân thành, trong sáng nhất. + Đất Nước tươi đẹp, thanh bình như huyền thoại của chúng ta bắt đầu hình thành từ phong tục, tập quán, văn hóa, truyền thống, lối sống cao đẹp: “Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn” Câu thơ gợi về sự tích trầu cau, không chỉ nói về truyền thống người Việt với tục ăn trầu, nhuộm răng, miếng trầu tiếp khách, miếng trầu giao duyên, miếng trầu đo phẩm hạnh mà còn hàm ý ngợi ca truyền thống thủy chung nghĩa tình của dân tộc. + Đất Nước lớn lên trong quá trình dựng nước và giữ nước của nhân dân, trưởng thành bền bỉ qua những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm: “Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc” Lời thơ gợi nhớ truyền thuyết thánh Gióng nhổ tre làng đánh giặc Ân thuở xa xưa và hình ảnh cây tre Việt Nam trong các cuộc chiến tranh vệ quốc. Cây tre đã trở thành biểu tượng cho sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt Nam, một dân tộc trải qua nhiều đau thương, máu lửa, luôn phải đương đầu với kẻ thù tàn bạo nhất, nhưng luôn kiên cường, bất khuất, anh dũng bảo vệ quê hương, xứ sở. - 5 câu còn lại: Đất Nước hiện hữu trong lối sống sinh hoạt, những vật dụng giản dị, gắn bó trong đời sống + Đất Nước hình thành từ thuần phong mỹ tục qua cách búi tóc của mẹ “Tóc mẹ thì búi sau đầu” Hình ảnh búi tóc của mẹ đơn sơ, bình dị, vừa gợi tả được vẻ đẹp giản dị, duyên dáng của người phụ nữ Việt vừa khẳng định phẩm chất chịu thương chịu khó, đức tính cần cù của những người mẹ vất vả một nắng hai sương nuôi con khôn lớn. Vẻ đẹp này không bao giờ bị ngoại lai dù trải qua hàng ngàn năm bắc thuộc và cũng từng được ca ngợi trong ca dao + Đất Nước còn hiện hữu qua ở lối sống nghĩa tình chung thủy của dân tộc: “Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn”: Hình ảnh “muối mặn, gừng cay” gợi nhắc tới nghĩa tình vợ chồng chung thủy, đồng cam cộng khổ. Dẫu cuộc đời trăm đắng ngàn cay, nhưng nghĩa tình chồng vợ vẫn vẹn nguyên mặc cho vật đổi, sao rời. Tình nghĩa yêu thương, chung thủy của mẹ cha là một yếu tố làm nên diện mạo tinh thần của Đất Nước. + Đất Nước còn hiện lên thật bình dị, thân thương qua những cái thuần	
--	---	--

	Việt: “Cái kèo cái cột thành tên”. Câu thơ gợi tả một nét đẹp trong đời sống văn hóa dân tộc. Người Việt Nam đặt tên con không cầu kì, xa lạ, kiêu cách. Họ lấy ngay những bộ phận của ngôi nhà đặt tên cho con cái. Những cái kèo, cái cột vô tri, bỗng trở thành tên gọi của những đứa con. Những cái tên nôm na, dân dã (kèo, cột) gợi nhắc một yếu tố văn hóa của người Việt (người Việt có truyền thống dựng tre làm nhà để ở) đồng thời cho thấy sự gắn bó tha thiết của họ với ngôi nhà thân thuộc cũng như cũng như cuộc sống nghèo khó, sự mộc mạc, chân chất của người dân Việt Nam. + Đất Nước hình thành từ cuộc sống lao động vất vả nhưng cần cù chịu thương, chịu khó của người Việt: "Hạt gạo phải một nắng hai sương xay giã, giần sàng" “Một nắng hai sương” là thành ngữ chỉ sự gian nan, vất vả cực khổ, nhọc nhằn lam lũ của người nông dân. Các động từ “xay, giã, giần, sàng” diễn tả những công việc nhọc nhằn mà người nông dân đã trải qua để làm ra hạt gạo. Ông bà, cha mẹ chúng ta đã phải trải qua bao gian nan "một nắng hai sương", đã đổ bao mồ hôi với bao công việc của nhà nông nhọc nhằn "xay, giã, giần, sàng,..." mới làm ra hạt gạo dẻo thơm. Hạt gạo là vật chất cũng là sự sống, là cội nguồn văn hóa dân tộc. Truyền thống lao động tốt đẹp của nhân dân cũng là một phần của hồn nước. + Lời khái quát kết lại đoạn thơ “Đất Nước có từ ngày đó...” Hai tiếng “ngày đó” gợi lên cảm nhận về khoảng thời gian lâu thật lâu và xưa thật xưa, cùng với dấu ba chấm “...” khiến câu thơ như được ngân dài hơn, tha thiết và sâu lắng hơn. Và lời khẳng định cũng trở nên thâm thía hơn, không biết cụ thể Đất Nước có từ thời gian nào chỉ biết Đất Nước được hình thành cùng với những truyền thống văn hoá, những phong tục tập quán, những sinh hoạt bình dị của người Việt... Như vậy, chín câu thơ đầu là cảm nhận mới mẻ, sâu sắc về sự hình thành và phát triển lâu đời của đất nước. * Đánh giá - Nghệ thuật: Đoạn thơ hội tụ nhiều nét đặc sắc của nghệ thuật thơ Nguyễn Khoa Điềm: thể thơ tự do với những câu thơ dài ngắn tuôn trào theo mạch cảm xúc, hệ thống hình ảnh gần gũi thân thuộc, sử dụng thi liệu văn hóa, văn học dân gian sáng tạo, giọng thơ vừa triết luận vừa thủ thỉ tâm tình... - Qua đoạn thơ, Nguyễn Khoa Điềm đã trình bày được một ý niệm về cội nguồn Đất Nước thật độc đáo, hấp dẫn; vừa thiêng liêng, vừa hiện hữu rõ ràng, vừa có chiều sâu văn hoá lịch sử, vừa bình dị thân quen với cuộc sống hàng ngày. Đó là một đóng góp quan trọng của Nguyễn Khoa Điềm làm sâu thêm ý niệm về đất nước của nhân dân cho thơ ca hiện đại.	
	* Nhận xét cách vận dụng chất liệu văn học dân gian của tác giả - Chỉ một đoạn thơ ngắn nhưng đã sử dụng rất nhiều chất liệu văn học dân gian quen thuộc: truyện cổ tích, truyền thuyết, ca dao, thành ngữ,... - NKĐ đã sử dụng rất tài tình và hiệu quả chất liệu trên. Nhà thơ không chỉ ra một bài nào cụ thể cũng không trích nguyên văn một câu nào trọn vẹn mà chỉ dẫn ra, gọi ra qua vài từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu để người đọc tự liên hệ, cảm nhận. Những chất liệu văn hóa dân gian ấy đã tạo nên một thể giới nghệ thuật vừa gần gũi, quen thuộc, vừa sâu xa kì diệu, bay bổng đủ sức gợi lên được hồn thiêng sông núi. Điều đó, không chỉ đơn thuần là thủ pháp nghệ thuật, cũng không phải chỉ là tiếp thu có sáng tạo văn học dân gian. Có thể nói, tư tưởng “Đất Nước của Nhân Dân”, tư	0,5

	tương chủ đạo của chương thơ đã thấm nhuần từ quan niệm đến cảm xúc, từ hình tượng đến chi tiết nghệ thuật của tác phẩm.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
TỔNG ĐIỂM		10

-----Hết-----

ĐỀ PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA ĐỀ THI THAM KHẢO SỐ 5	KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Môn thi: NGỮ VĂN <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
---	--

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau

(...) Chúng ta thương những ngày ít gió nhiều mây
những ngày chỉ nói với nhau bằng ánh mắt
những ngày chỉ cần tựa vai đã thấy lòng thanh thản
những ngày mà nỗi cô đơn cũng cần như hạt muối mặn nếm vào những bình yên...

Nhưng cuộc đời luôn có nhiều ngã rẽ chờ đặt tên
để người định nghĩa lại hạnh phúc
để so đo thiệt hơn những mất mát
để lần đầu tiên trong lòng nghi ngờ tình yêu không phải là thứ duy nhất
biết cách làm tổn thương...

(...) Chúng ta đã đi qua thương nhớ mà không hề phải vay
nên nợ nần chỉ bằng cảm giác
nên sợ cuộc đời về sau sẽ chẳng thể nào ôm được ai đó
trong tay thật chặt
nên lo lắng những giọt nước mắt sẽ quên từng bóng râm
dù đau đến xanh xao...

Có bao nhiêu người đã đi qua thương nhớ mà quên được nhau?

(Trích: *Đi qua thương nhớ*, Nguyễn Phong Việt, NXB Văn học, 2012)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

*Chúng ta thương những ngày ít gió nhiều mây
những ngày chỉ nói với nhau bằng ánh mắt
những ngày chỉ cần tựa vai đã thấy lòng thanh thản
những ngày mà nỗi cô đơn cũng cần như hạt muối mặn nếm vào những bình yên*

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về ý nghĩa của những câu thơ:

“Nhưng cuộc đời luôn có nhiều ngã rẽ chờ đặt tên
để người định nghĩa lại hạnh phúc
để so đo thiệt hơn những mất mát”

Câu 4. Thông điệp ý nghĩa nhất với anh/chị từ đoạn trích trên là gì? Hãy lý giải.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của bản thân về vai trò của những niềm vui bình dị trong cuộc sống.

Câu 2 (5,0 điểm)

Trong truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”, nhà văn Tô Hoài viết:

Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lí Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Người ta thường nói: nhà Pá Tra làm thống lí, ăn của dân nhiều, đồn Tây lại cho muối về bán, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng. Thế thì con gái nó còn bao giờ phải xem cái khổ mà biết khổ, mà buồn. Nhưng rồi hỏi ra mới rõ cô ấy không phải con gái nhà Pá Tra: cô ấy là vợ A Sử, con trai thống lí Pá Tra.

Cô Mị về làm dâu nhà Pá Tra đã mấy năm. Từ năm nào, cô không nhớ, cũng không ai nhớ. Nhưng người nghèo ở Hồng Ngài thì vẫn còn kể lại câu chuyện Mị về làm người nhà quan thống lí. Ngày xưa bố Mị lấy mẹ Mị không có đủ tiền cưới, phải đến vay nhà thống lí, bố của thống lí Pá Tra bây giờ. Mỗi năm đem nộp lãi cho chủ nợ một nương ngô. Đến tận khi hai vợ chồng về già rồi mà cũng chưa trả được nợ. Người vợ chết, cũng chưa trả hết nợ.

Cho tới năm ấy Mị đã lớn, Mị là con gái đầu lòng. Thống lí Pá Tra đến bảo bố Mị:

- Cho tao đưa con gái này về làm dâu thì tao xóa hết nợ cho.

Ông lão nghĩ năm nào cũng phải trả một nương ngô cho người ta, thì tiếc ngô, nhưng cũng lại thương con quá. Ông chưa biết nói thế nào thì Mị bảo bố rằng:

- Con nay đã biết cuộc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu.

Đến Tết năm ấy, Tết thì vui chơi, trai gái đánh pao, đánh quay rồi đêm đêm rủ nhau đi chơi. Những nhà có con gái thì bố mẹ không thể ngủ được vì tiếng chó sủa. Suốt đêm, con trai đến nhà người mình yêu, đứng thối sáo xung quanh vách. Trai đến đứng nhả cả chân vách đầu buồng Mị. Một đêm khuya, Mị nghe tiếng gõ vách. Tiếng gõ vách hò hẹn của người yêu. Mị hồi hộp lặng lẽ quơ tay lên thì gặp hai ngón tay lách vào khe gỗ, sờ một ngón thấy có đeo nhẫn. Người yêu của Mị thường đeo nhẫn ngón tay ấy. Mị bèn nhấc tấm vách gỗ. Một bàn tay dắt Mị bước ra. Mị vừa bước ra, lập tức có mấy người choàng đến, nhét áo vào miệng Mị rồi bịt mắt, cõng Mị đi.

(Trích *Vợ chồng A Phủ* – Tô Hoài, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2019, Tr.4-5)

Cảm nhận của anh/ chị về nhân vật Mị ở đoạn trích trên; từ đó nhận xét về cách giới thiệu nhân vật của nhà văn Tô Hoài

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Thể thơ: tự do	0,75
	2	Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn: • Điệp ngữ: <i>những ngày</i>	0,75

		- Liệt kê: những ngày ít gió nhiều mây; những ngày chỉ nói với nhau bằng ánh mắt; những ngày chỉ cần tựa vai đã thấy lòng thanh thản; những ngày mà nỗi cô đơn cũng cần như hạt muối mặn nêm vào những bình yên - So sánh: nỗi cô đơn cũng cần như hạt muối mặn nêm vào những bình yên	
	3	Ý nghĩa của những câu thơ: - Cuộc sống có nhiều lựa chọn, nhiều con đường và ngã rẽ, tự mỗi người sẽ biết đâu là lựa chọn phù hợp với bản thân mình. - Qua mỗi ngã rẽ của cuộc đời, con người có thể nhìn lại những giá trị của hạnh phúc và cả những khổ đau mất mát. Khi tất cả đã qua thì không cần phải so đo thiệt hơn, thắng bại. Tất cả những điều đó mới làm nên cuộc sống của chúng ta.	1,0
	4	HS trình bày thông điệp ý nghĩa nhất, có lý giải hợp lý. Có thể tham khảo: - Thông điệp ý nghĩa nhất: mỗi con người hãy trân trọng những giá trị sống mà mình đã và đang có, vươn tới những giá trị sống tích cực hơn mỗi ngày - Lí giải: Thông điệp cho tôi nhận thức được cuộc sống mỗi ngày đều rất đáng quý. Có nhiều khi những giá trị của cuộc sống mang đến cho chúng ta lại bắt đầu từ những điều giản dị, gần gũi và chân thực nhất. Những tất cả những điều đó rồi sẽ phải qua đi. Vì vậy, nếu không biết trân trọng thì con người sẽ phải sống trong tiếc nuối, hối hận.	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ về ý nghĩa của những niềm vui bình dị trong cuộc sống.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> ý nghĩa của những niềm vui bình dị trong cuộc sống.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vấn đề ý nghĩa của những niềm vui bình dị trong cuộc sống. Có thể theo hướng: - Niềm vui bình dị là trạng thái cảm xúc tích cực của con người đến từ những điều giản đơn, nhỏ bé nhất, là cách sống đúng đắn, ý nghĩa mỗi người cần tạo cho mình. - Niềm sung sướng, hạnh phúc, hân hoan bình dị đã giúp tâm hồn thanh thản, bình yên hơn, nhận ra những giá trị đích thực của cuộc sống; - Niềm vui bình dị là động lực tạo nên sức mạnh vượt qua khó khăn, thêm tin yêu, trân trọng sự sống - Những niềm vui bình dị sẽ góp phần tạo dựng các giá trị lớn lao, đóng góp làm nên sự phát triển của đời sống xã hội...	1,0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>	0,25

		Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Phân tích đoạn trích trong đoạn trích “Vợ chồng A Phủ”. Từ đó, nhận xét về cách giới thiệu nhân vật của tác giả.	5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Phân tích đoạn trích trong đoạn trích “Vợ chồng A Phủ”. Từ đó, nhận xét về cách giới thiệu nhân vật của tác giả.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng; bảo đảm các yêu cầu sau:	
		<i>*Giới thiệu khái quát về tác giả Tô Hoài, truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ” và đoạn trích</i>	0,5
		<i>*Cảm nhận về nhân vật Mị</i> - Giới thiệu về nhân vật Mị (xuất hiện của Mị) + Mị âm thầm sống lẻ loi, lẫn vào những vật vô tri, vô giác: bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa + Mị xuất hiện với tư thế thường xuyên lặp lại “lúc nào cũng cúi mặt buồn rười rượi” hoàn toàn tương phản đối lập với không gian nhà thống lí Pá Tra “nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện” + Tác giả liệt kê hàng loạt công việc Mị phải làm “quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên” => Tất cả báo hiệu một cuộc đời không bằng phẳng, một số phận nhiều ảm ức và một bi kịch của cõi nhân thế nơi miền núi cao. => Giọng kể êm, đẹp như ru mở ra một thế giới Tây Bắc hiện ra xa xăm kì diệu, thoang thoảng màu sắc hương vị cổ tích từ đó thôi thúc người đọc đi tìm hiểu về số phận và cuộc đời của Mị. - Hoàn cảnh gia đình Mị: + Cha Mị lấy mẹ Mị không có đủ tiền cưới nên phải đến vay nhà thống lí mỗi năm đem nộp lãi một nương ngô đến khi vợ chồng về già chưa trả hết nợ, vợ chết cũng chưa trả hết nợ. Món nợ ấy đeo đẳng suốt cuộc đời cha mẹ Mị khiến gia đình cô đã nghèo lại còn nghèo hơn. - Về đẹp của Mị + Xinh đẹp, có tài thổi sáo, thổi lá cũng hay như thổi sáo, có biết bao người say mê thổi sáo đi theo Mị. Vì xinh đẹp và tài năng nên Mị đã được rất nhiều người theo đuổi “trai đứng nhẵn vách đầu buồng Mị”. Tuy nhiên, Mị đã lựa chọn cho mình một tình yêu đích thực và đó là những ngày tháng hạnh phúc Mị được sống trong tình yêu, tự do. + Khi biết thống lí muốn bắt mình về trừ nợ, Mị đã cầu xin cha “Nay con đã biết cuộc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu.”. Mị không ham giàu sang phú quý, sẵn sàng lao động, không quản ngại gian khó để trả nợ. Câu nói	2,5

	này còn cho thấy Mị sẵn sàng chấp nhận sống cuộc đời gian khổ để được hưởng tình yêu, tự do, hạnh phúc. Một cô gái có ý thức đích thực về một cuộc sống thực sự, sống phải có tình yêu và hạnh phúc. Mị là một hình tượng đẹp của người thiếu nữ Tây Bắc. Ở Mị toát lên cái đẹp vừa tự nhiên, giản dị, vừa phóng khoáng, thâm sâu như thiên nhiên núi rừng. Cô xứng đáng được hưởng tự do, hạnh phúc. - Mị bị bắt về làm dâu gạt nợ. + Nguyên nhân: Do món nợ chung thân của cha mẹ Mị và sự lừa gạt của gia đình nhà thống lí đối với một cô gái ngây thơ, trong sáng “Mị sờ một ngón tay có đeo nhẫn. Người yêu của Mị cũng thường đeo nhẫn ngón tay ấy”. Vì thế Mị đã bị sập bẫy và bị bắt về làm dâu gạt nợ. Mùa xuân, cuộc đời của Mị mới bắt đầu được sống trong những ngày đầu của thanh xuân, tình yêu, hạnh phúc. Nỗi đau khổ, cay đắng như bị nhân lên, nhất là đối với Mị, một cô gái trẻ trung, yêu đời. - Sáng hôm sau Mị mới biết ở nhà thống Pá Trá, lập tức chúng đã cho con ma xó về nhận mặt “tiếng nhạc sinh tiền cúng mà đương rập rờn nhảy múa” Âm thanh ấy cho thấy Mị bị ràng buộc bởi phong tục hôn nhân, bị trói buộc bởi thần quyền và bị giam hãm của cường quyền như thứ bùa chú khó có thể thoát ra. Như vậy, chỉ vì món nợ mà Mị đã phải hi sinh tình yêu, cuộc đời từ tươi đẹp sang những ngày héo tàn, giống như bông hoa đang chớm chín nở đã bị chà đạp phũ phàng. * Về nghệ thuật: + Nghệ thuật trần thuật linh hoạt: kể đan xen tả; ngôi bút miêu tả thiên nhiên, những sinh hoạt gắn với phong tục, tập quán rất chân thật góp phần giải thích tính cách, tâm hồn nhân vật. + Ngôn ngữ giàu chất thơ, giàu tính tạo hình, biểu cảm. * Đánh giá - Đoạn trích đã hé mở về bi kịch cuộc đời Mị cũng như hé lộ nguyên nhân Mị lúc nào cũng cúi mặt buồn rười rượi. Đây là lát cắt đầu tiên rất nhỏ về cuộc đời của Mị, nhưng đoạn trích đã giống như một thứ rượu khai vị đủ để kích thích độc giả tìm hiểu về cuộc đời của Mị trong chuỗi ngày làm dâu gạt nợ. - Đoạn trích thể hiện tài năng nghệ thuật kể chuyện, phân tích tâm lí nhân vật, dựng cảnh... của Tô Hoài	
	* Nhận xét về cách giới thiệu nhân vật của nhà văn Tô Hoài - Tác giả đã sử dụng thủ pháp đối lập khi đặt Mị trong sự tương phản với gia đình nhà thống lí Pá Tra từ đó khắc họa bản chất tàn bạo của bọn thống trị miền núi và số phận bất hạnh của người lao động miền núi. - Nhân vật được giới thiệu gắn với những chi tiết nghệ thuật đặc sắc. - Qua đó, ta thấy được tài năng Tô Hoài với nghệ thuật kể chuyện linh hoạt, sinh động giúp cho câu chuyện có sức hút hơn. Đồng thời với cách giới thiệu nhân vật này tác giả đã thể hiện được ý đồ nghệ thuật của mình trong việc làm nổi bật tư tưởng của chuyện và khắc sâu ấn tượng nhân vật với người đọc.	0,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i>	0,5

		Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	
TỔNG ĐIỂM			10

-----Hết-----

ĐỀ PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA ĐỀ THI THAM KHẢO SỐ 6	KỶ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Môn thi: NGỮ VĂN <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
---	--

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THÁNG MƯỜI

Những ngọn khói tre chần trâu đốt rạ trên cánh đồng sau vụ gặt
 Thở vào ta hương vị tháng Mười
 Sau mỗi góc rạ khô tiếng gió ngân lên thổi qua những bẹ lá tươp
 Ta nghe có người nấp sau đó gọi ta, và ta đi, ta đi...
 Ta đi qua tháng Mười, ta đi qua tiếng gọi buổi chiều của mẹ
 Mây trời vun lên những đồng rom khô
 Dấu chân ta xóa dấu chân chú bê vàng lạc mẹ và dấu chân chú bê vàng xóa dấu chân ta
 Khi bóng đêm vụt ra đứng chặn trước mặt ta, ta vội quay lại tìm dấu chân mình
 Òa khóc.
 Ta tin có một mụ phù thủy đã biến ta thành một chú bê
 Giờ chẳng còn tháng Mười xưa, chẳng còn ngọn khói xưa, chẳng còn...
 Ta đợi mãi đợi mãi một mụ phù thủy
 Từ tháng Mười một bay về để biến ta thành chú bê xưa.
 (Sự mất ngủ của lửa – Nguyễn Quang Thiều, NXB Hội nhà văn, 2015)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

Những ngọn khói tre chần trâu đốt rạ trên cánh đồng sau vụ gặt
 Thở vào ta hương vị tháng Mười
 Sau mỗi góc rạ khô tiếng gió ngân lên thổi qua những bẹ lá tươp
 Ta nghe có người nấp sau đó gọi ta, và ta đi, ta đi...
 Ta đi qua tháng Mười, ta đi qua tiếng gọi buổi chiều của mẹ

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về hình ảnh “chú bê” được nhắc tới trong văn bản?

Câu 4. Thông điệp ý nghĩa nhất với anh/chị từ văn bản trên là gì? Hãy lý giải.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của bản thân về điều cần làm để không đánh mất hi vọng.

Câu 2 (5,0 điểm)

Trong truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”, nhà văn Tô Hoài viết:

Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố Mị chết. Nhưng Mị cũng không còn tưởng đến Mị có thể ăn lá ngón tự tử nữa. Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi. Bây giờ thì Mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa, là con ngựa phải đổi ở cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác, ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi làm mà thôi. Mị cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa, mà lúc nào cũng chỉ nhớ đi nhớ lại những việc giống nhau, tiếp nhau về ra trước mặt, mỗi năm mỗi mùa, mỗi tháng lại làm đi làm lại: Tết xong thì lên núi hái thuốc phiện, giữa năm thì giặt đay, xe đay, đến mùa thì đi nương bẻ bắp, và dù lúc đi hái củi, lúc bung ngô, lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước thành sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm suốt đời như thế. Con ngựa, con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào việc làm cả đêm cả ngày.

Mỗi ngày Mị càng không nói, lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa. Ở cái buồng Mị nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay là nắng. Mị nghĩ rằng mình cứ chỉ ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi.

(Trích *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.6)

Cảm nhận của anh/ chị về nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về số phận người phụ nữ miền núi cao Tây Bắc được nhà văn miêu tả thông qua nhân vật Mị.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	0,75
	2	Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn: • Ẩn dụ: “thở” • Điệp ngữ: “ta đi” • Điệp cấu trúc: “ta đi qua...”	0,75
	3	- Ý nghĩa của hình ảnh “chú bê” trong các câu thơ: + “Chú bê” trong các câu thơ “Dấu chân ta xóa dấu chân chú bê vàng lạc mẹ” và “dấu chân chú bê vàng xóa dấu chân ta” là hình ảnh tả thực. + “Chú bê” trong câu “Ta tin có một mụ phù thủy đã biến ta thành một chú bê” là hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng cho sự ngây thơ, non nớt và trí tưởng tượng hồn nhiên của đứa trẻ. - Nhận xét: từ một hình ảnh thực, tác giả đã chuyển hóa thành một hình ảnh tượng trưng giàu sức gợi, giàu cảm xúc, giàu khả năng liên tưởng để diễn tả thế giới tâm hồn trong sáng của đứa trẻ trong quá khứ. Từ đó, tạo khả năng kết nối đến hiện tại trong đoạn cuối bài thơ.	1,0
	4	HS trình bày thông điệp ý nghĩa nhất, có lý giải hợp lý. Có thể tham khảo: - Thông điệp ý nghĩa nhất: Biết trân trọng, ghi nhớ những giá trị của quá khứ, con người sẽ sống thành thật, trong trẻo hơn. - Lí giải: Thông điệp cho tôi nhận thức được cuộc sống mỗi ngày đều rất đáng quý. Những gì đã diễn ra trong quá khứ là nền tảng để xây dựng cuộc sống hiện tại và tương lai. Trân trọng quá khứ, con người sẽ biết trân trọng những gì mình đang có và sống thành thật, trong trẻo, ý nghĩa hơn.	0,5

II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ về điều cần làm để không đánh mất hi vọng.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Điều cần làm để không đánh mất hi vọng	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vấn đề điều cần làm để không đánh mất hi vọng. Có thể theo hướng: – Luôn giữ cho mình tinh thần lạc quan với những suy nghĩ tích cực nhất có thể trước mọi vấn đề trong cuộc sống. – Luôn yêu thương, trân trọng và tin tưởng vào chính bản thân hoặc người khác. – Học cách vượt qua các thử thách chông gai để dần dần quen với việc đó – Suy nghĩ xem hy vọng có nghĩa là gì, biết được độ quan trọng của hy vọng và từ đó sẽ biết giữ lấy hy vọng – Đối mặt với lo âu và tuyệt vọng (học cách chiến thắng)...	1,0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Phân tích đoạn trích trong đoạn trích “Vợ chồng A Phủ”. Từ đó, nhận xét về số phận người phụ nữ miền núi cao Tây Bắc được nhà văn miêu tả thông qua nhân vật Mị.	5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Phân tích đoạn trích trong đoạn trích “Vợ chồng A Phủ”. Từ đó, nhận xét về số phận người phụ nữ miền núi cao Tây Bắc được nhà văn miêu tả thông qua nhân vật Mị.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng; bảo đảm các yêu cầu sau:	
		<i>*Giới thiệu khái quát về tác giả Tô Hoài, truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ” và đoạn trích</i>	0,5
		<i>*Cảm nhận về nhân vật Mị</i> - Giới thiệu khái quát về nhân vật: Mị là một cô gái dân tộc xinh đẹp, tài năng, hiếu thảo. Vì món nợ truyền kiếp của cha mẹ mà cô bị bắt về	2,5

	làm dâu nhà thống lí. Ban đầu Mị phản ứng quyết liệt nhưng vì thương cha nên đành chấp nhận. - Sống trong nhà thống lí, Mị đã bị tê liệt cả lòng ham sống yêu đời lẫn tinh thần phản kháng “bố Mị chết nhưng Mị cũng không còn tưởng đến Mị có thể ăn lá ngón tự tử nữa. Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi”. Bố chết, không còn điều gì níu giữ cô ở lại với cuộc sống nhưng Mị cũng không còn nghĩ tới cái chết và sự giải thoát nữa vì với cô giờ đây sống hay chết đều như nhau. Cụm từ “quen khổ rồi” thật xót xa, đốn đau. Đó là biểu hiện của sự chai sạn, vô cảm của Mị với chính bản thân. - Nhận thức của Mị cũng bị tác động mạnh mẽ khi cô luôn sống với suy nghĩ “Mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa, là con ngựa phải đổi ở cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác, ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi làm mà thôi”. Mị là người, một con người mà giờ đây cô không nhận ra điều đó, cô nghĩ mình là con trâu, con ngựa, con ngựa thì chỉ biết làm việc, ngựa biết ăn cỏ. Hình ảnh so sánh phũ phàng nhưng chính xác, từ trâu ngựa được lặp lại nhiều lần cho thấy ý niệm thân phận trâu ngựa đã ăn sâu vào tiềm thức của Mị. - Mị bị biến thành công cụ lao động, bị vắt kiệt sức lao động “Mị cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa...tức thành sợi” => tác giả sử dụng phép liệt kê hàng loạt công việc “hái thuốc phiện, giặt dầy, xe dầy, bẻ bắp, hái củi, bung ngô” kết hợp cấu trúc câu văn trùng điệp “nhớ đi nhớ lại” “giống nhau, tiếp nhau” “mỗi năm mỗi mùa” “làm đi làm lại” “giặt dầy xe dầy”, trong một câu văn dài để nhấn mạnh những công việc chồng chất cao ngất như núi, dài dằng dặc tựa miền biển xa mà Mị phải đối diện. Đã vậy, chúng bóc lột tàn tệ không cho Mị nghỉ tay dù làm bất cứ việc gì cũng cầm bó dầy tức thành sợi. Nếu như con ngựa con trâu còn được nghỉ ngơi nhai cỏ gãi chân, còn Mị thì phải vùi đầu vào việc. Nếu như cỗ máy còn có lúc nghỉ ngơi, còn đàn bà con gái nhà thống lí thì làm quần quật cả ngày lẫn đêm - Mị bị giam hãm trong một căn buồng có lỗ cửa sổ vuông bé bằng bàn tay. Căn buồng giống như ngục thất tinh thần giam hãm tuổi thanh xuân của Mị, cô như một tù nhân, một người tù khổ sai, một tù nhân với bản án chung thân ở chốn địa ngục trần gian này. Ở trong căn buồng ấy, Mị như con rùa lùi lũi nuôi trong xó cửa”. Hình ảnh so sánh lột tả được hết đáng điệu, tâm hồn và tính cách của Mị. Đồng thời, Mị cũng mất cả ý niệm về thời gian, mất cảm giác về cuộc sống “không biết sương hay nắng” nghĩa là không biết sáng sớm hay trưa hoặc chiều tối. Trong vô vản lời ca than thân xưa nay khiến người đọc day dứt khôn nguôi về thân phận con người: * Về nghệ thuật: + Nghệ thuật trần thuật linh hoạt: kể đan xen tả; + Ngôn ngữ giàu chất thơ, giàu tính tạo hình, biểu cảm. + Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, sâu sắc... * Đánh giá - Đoạn trích đã miêu tả rất chân thật cuộc sống của Mị trong nhà thống lí. Trang văn như một thước phim tư liệu quý báu giúp người đọc hiểu hơn nỗi đau của người dân miền núi dưới chế độ cũ. Qua đó, Tô Hoài không chỉ gián tiếp tố cáo sự áp bức bóc lột của bọn địa chủ phong kiến miền núi mà còn nói lên một sự thật đau xót: dưới ách thống trị của	
--	---	--

		cường quyền bạo lực và thần quyền hủ tục, người lao động miền núi Tây Bắc bị chà đạp một cách tàn nhẫn về tinh thần đến mức tê liệt cảm giác về sự sống, mất dần ý niệm về cuộc đời; họ bị hủy diệt ý thức sống của con người. - Đoạn trích thể hiện tài năng nghệ thuật kể chuyện, phân tích tâm lí nhân vật, dựng cảnh... của Tô Hoài	
		* Nhận xét về số phận người phụ nữ miền núi cao Tây Bắc được nhà văn miêu tả thông qua nhân vật Mị. - Tô Hoài đã miêu tả thành công cái khổ cực cùng kiệt của số phận người phụ nữ Mông trên núi cao Tây Bắc những năm trước cách mạng. Mê tín và thần quyền đã trói buộc cuộc đời họ trong những cuộc hôn nhân và biến họ trở thành những công cụ lao động cả đời vất vả, khổ nhục phục vụ nhà chồng. - Số phận người phụ nữ miền núi cao được nhà văn miêu tả thông qua nhân vật Mị trong đoạn trích là sự miêu tả chân thực số phận nô lệ cực khổ của người lao động nghèo Tây Bắc dưới ách thống trị của bọn cường quyền phong kiến miền núi. Qua đó, nhà văn phơi bày bản chất tàn bạo của giai cấp phong kiến thống trị ở miền núi, đồng thời thể hiện lòng yêu thương, sự đồng cảm sâu sắc với thân phận đau thương của họ, từ đó khẳng định niềm tin vào vẻ đẹp tâm hồn, sức sống mãnh liệt và khát vọng hạnh phúc cháy bỏng của con người. Tất cả cho thấy tấm lòng nhân đạo sâu sắc cùng tình cảm đặc biệt trân quý nhà văn dành cho người phụ nữ Tây Bắc.	0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
TỔNG ĐIỂM			10

-----Hết-----

ĐỀ PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA ĐỀ THI THAM KHẢO SỐ 7	KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Môn thi: NGỮ VĂN <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
---	--

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản:

Nhiều người nhầm tưởng rằng hạnh phúc phụ thuộc vào hoàn cảnh mỗi người gặp phải. Nhưng trên thực tế, không phải hoàn cảnh quyết định mà là cách lý giải của mỗi chúng ta. Điều này giải thích tại sao cùng một hoàn cảnh, cùng một sự việc nhưng lại đem đến ý nghĩa khác nhau cho những người khác nhau.

Hiểu được bản chất của suy nghĩ sẽ tạo cho chúng ta tâm trạng yên ổn, thái độ sống trung lập, những cảm xúc tích cực và thoải mái. Khi tâm trí không bị ràng buộc vào những gì chúng ta suy nghĩ đến, đặc biệt đó lại là suy nghĩ tiêu cực, chúng ta sẽ có được cảm giác vui vẻ

và dễ chịu. Điều này không có nghĩa rằng chúng ta không cần phải suy nghĩ. Trái lại, suy nghĩ là điều cần thiết yếu – không thể thiếu với mỗi người. Chỉ có những suy nghĩ tiêu cực – nguyên nhân của nỗi đau và bất hạnh là không đáng để ta lưu tâm. Bên cạnh đó, việc giữ cho mình một đầu óc thư giãn chính là cách tạo ra khoảng trống cần thiết giúp chúng ta tiếp nhận những điều mới, những ý tưởng sáng tạo, nó cho phép chúng ta có sự điều chỉnh nhẹ nhàng, mang đến sự mới mẻ và thú vị trong cuộc sống.

Khi biết điều chỉnh suy nghĩ của mình một cách nhẹ nhàng theo hướng tích cực, bạn sẽ dễ dàng lắng nghe mọi người trong tình yêu thương, sẵn sàng tiếp thu những lời góp ý, thậm chí là những lời phê bình và biến nó thành động lực để tiến bộ.

(Trích *Hạt giống hạnh phúc* - Richard Carlson, Hoài Giang và Thế Lâm dịch, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2011, trang 32-33)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. Theo đoạn trích, hiểu được bản chất của suy nghĩ sẽ giúp gì cho chúng ta?

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê có trong câu văn sau:

“Việc giữ cho mình một đầu óc thư giãn chính là cách tạo ra khoảng trống cần thiết giúp chúng ta tiếp nhận những điều mới, những ý tưởng sáng tạo, nó cho phép chúng ta có sự điều chỉnh nhẹ nhàng, mang đến sự mới mẻ và thú vị trong cuộc sống”.

Câu 4. Anh/ chị có đồng ý với ý kiến “Khi biết điều chỉnh suy nghĩ của mình một cách nhẹ nhàng theo hướng tích cực, bạn sẽ dễ dàng lắng nghe mọi người trong tình yêu thương, sẵn sàng tiếp thu những lời góp ý, thậm chí là những lời phê bình và biến nó thành động lực để tiến bộ”? Hãy lý giải?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của anh/ chị về cách thức đơn giản hóa suy nghĩ của bản thân để có một cuộc sống tích cực.

Câu 2. (5,0 điểm)

- Ta với mình, mình với ta
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh
Mình đi, mình lại nhớ mình
Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu...
Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.
Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy.

(Trích *Việt Bắc*, Tố Hữu, Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, tr.110)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét về tính dân tộc được thể hiện trong đoạn thơ.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là nghị luận.	0,75
	2	Theo đoạn trích, “Hiểu được bản chất của suy nghĩ sẽ tạo cho chúng ta	0,75

		tâm trạng yên ổn, thái độ sống trung lập, những cảm xúc tích cực và thỏa mãn”.	
	3	Biện pháp liệt kê được sử dụng trong câu văn: - “những điều mới”, “những ý tưởng sáng tạo” - “sự điều chỉnh nhẹ nhàng”, “sự mới mẻ”, “thú vị”. Tác dụng: Nêu đầy đủ chi tiết lợi ích của việc biết giữ cho mình một đầu óc thư giãn. Đồng thời giúp sự diễn đạt trở nên sinh động, hấp dẫn và sức thuyết phục hơn.	1,0
	4	Hs có cách trả lời và lý giải sao cho phù hợp và thuyết phục. <i>Gợi ý:</i> Tôi đồng tình với ý kiến: “Khi biết điều chỉnh suy nghĩ của mình một cách nhẹ nhàng theo hướng tích cực, bạn sẽ dễ dàng lắng nghe mọi người trong tình yêu thương, sẵn sàng tiếp thu những lời góp ý, thậm chí là những lời phê bình và biến nó thành động lực để tiến bộ”. Bởi vì khi suy nghĩ của chúng ta tích cực chúng ta sẽ cảm thấy thoải mái, tâm lý ổn định, làm chủ được cảm xúc của bản thân, mối quan hệ với mọi người cũng diễn ra theo chiều hướng tích cực. Từ đó chúng ta sẽ dễ dàng tiếp thu những lời góp ý, phê bình từ họ và biến nó thành động lực để tiến bộ. ...	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ về cách thức đơn giản hóa suy nghĩ của bản thân để có một cuộc sống tích cực.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Cách thức đơn giản hóa suy nghĩ của bản thân để có một cuộc sống tích cực.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vấn đề ý nghĩa của cách thức đơn giản hóa suy nghĩ của bản thân để có một cuộc sống tích cực. Có thể theo hướng: - Không nhầm lẫn giữa suy nghĩ và thực tế. Không nên nghiêm trọng hóa những suy nghĩ bất chợt nảy ra trong tâm trí. - Tập trung vào những điều tốt đẹp và luôn sống với tâm trạng biết ơn. - Chúng ta phải biết chịu trách nhiệm với những việc mình làm và không đổ lỗi cho người khác. Vì khi không có tinh thần chịu trách nhiệm nghĩ đó là lỗi của người khác thì chúng ta sẽ phức tạp hóa vấn đề lên. - Tạo lập những mối quan hệ, tiếp xúc với những người lạc quan, vui vẻ. ...	1,0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>	0,25

		Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét về tính dân tộc được thể hiện trong đoạn thơ.	5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Cảm nhận đoạn thơ; nhận xét về tính dân tộc được thể hiện trong đoạn thơ.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng; bảo đảm các yêu cầu sau:	
		*Giới thiệu khái quát về tác giả Tố Hữu, tác phẩm “Việt Bắc” và đoạn thơ.	0,5
		*<i>Cảm nhận đoạn thơ:</i> - Khát quát đoạn thơ: + Đoạn thơ là lời khẳng định nỗi nhớ da diết, không nguôi của người cán bộ cách mạng (người ra đi) với người dân Việt Bắc (người ở lại) khi rời chiến khu Việt Bắc về lại thủ đô. + Lời thơ tâm tình, tha thiết cho thấy tình cảm sâu nặng, ơn nghĩa thủy chung giữa người cán bộ và người dân Việt Bắc. + Đây là một truyền thống tốt đẹp, là đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta. - Lời khẳng định nỗi nhớ của người ra đi: “- Ta với mình, mình với ta Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh Mình đi, mình lại nhớ mình Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu” + Hai từ láy “mặn mà, đinh ninh” vừa chỉ mức độ tình cảm sâu đậm, vừa khẳng định tình cảm của người kháng chiến với Việt Bắc “trước sau như một” không thay lòng đổi dạ. + Câu thơ “Mình đi, mình lại nhớ mình” là lời đáp trả của người ra đi trong câu hỏi “Mình đi, mình có nhớ mình” của người ở lại. Tố Hữu thể hiện sự tài hoa ở việc lặp lại ba lần từ “mình” trong một câu thơ. Từ “mình” ở vị trí thứ nhất và thứ hai chỉ người ra đi còn từ “mình” ở vị trí thứ ba vừa chỉ người ra đi vừa chỉ người ở lại. Qua đó, người ra đi muốn khẳng định lối sống ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ - niềm kiêu hãnh của mỗi con người Việt Nam. + Biện pháp so sánh trong câu thơ “Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu” càng khắc sâu nỗi nhớ của người ra đi với người ở lại mênh mông, dạt dào không thể kể xiết. → Qua lời đáp trả của người ra đi với người ở lại, Tố Hữu muốn nhấn	2,5

	nhủ rằng cách mạng không bao giờ quên ơn nhân dân, bởi đó là truyền thống tốt đẹp, là đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” ngàn đời đẹp đẽ của dân tộc Việt Nam. - Nỗi nhớ về thiên nhiên và con người Việt Bắc: “Nhớ gì như nhớ người yêu Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương Nhớ từng bản khói cùng sương Sớm khuya bếp lửa người thương đi về” + Biện pháp so sánh trong câu thơ “Nhớ gì như nhớ người yêu” nhằm khẳng định nỗi nhớ của người ra đi đối với người ở lại giống nỗi nhớ của đôi lứa yêu nhau da diết. + Nhớ những đêm “trăng lên đầu núi” với ánh sáng vàng vạc soi tỏ cuộc sống hiền hòa, êm ả ở Việt Bắc + Nhớ nắng chiều phủ xuống lưng nương. Đây không phải là cái nắng trưa hè gay gắt đốt cháy thịt da mà là cái nắng dịu nhẹ để lại nỗi nhớ niềm thương cháy bỏng trong lòng người. + Nhớ bản làng chìm trong “khói” và “sương”. Hai hình ảnh này đã tạo ra nét mộng mơ, bàng lảng cho thiên nhiên Việt Bắc. Chính thiên nhiên đã tôn tạo thêm nét đẹp trong cuộc sống của con người. - Nỗi nhớ về những không gian quen thuộc: “Nhớ từng rừng nứa bờ tre Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy” + Hai từ ghép đối lập “sớm khuya” và “đi về” cho thấy nỗi nhớ của người ra đi gắn với hình ảnh con người Việt Bắc siêng năng, cần cù, thức khuya, dậy sớm hết lòng vì cách mạng. + Hàng loạt những hình ảnh liệt kê trong các cụm từ: “rừng nứa, bờ tre, ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê” cho thấy nỗi nhớ của người kháng chiến đối với thiên nhiên Việt Bắc thật chi tiết, cụ thể. Cụm từ “nhớ từng” được lặp lại hai lần, điệp từ “nhớ” bốn lần đã diễn tả nỗi nhớ thiết tha của người ra đi đối với Việt Bắc. - Đánh giá: + Đoạn thơ mang tính dân tộc đậm đà. + Kiểu kết cấu đối đáp rất quen thuộc với thơ ca dân tộc. Ngôn ngữ bình dị, quen thuộc. Tác giả đã sử dụng thành công hai đại từ “mình – ta” cùng nhiều từ láy gợi tả tâm trạng. + Nhiều thủ pháp nghệ thuật quen thuộc như: đối lập, hoán dụ, liệt kê, câu hỏi tu từ.... + Giọng điệu tâm tình, ngọt ngào, da diết.	
	* Nhận xét về về tính dân tộc được thể hiện trong đoạn thơ: - Lời tâm tình thương nhớ giữa quân và dân Việt Bắc đã cho thấy nghĩa tình sâu nặng của người cán bộ, của cách mạng đối với chiến khu Việt Bắc. Đó là truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” ngàn đời của dân tộc ta. - Tính dân tộc trong đoạn thơ được thể hiện qua các hình ảnh, kỷ niệm cụ thể cho thấy tình nghĩa thủy chung của người dân Việt Bắc đối với cán bộ trong những năm tháng cách mạng và kháng chiến ở Việt Bắc. - Đoạn thơ thể hiện niềm tự hào về con người Việt Bắc đã hết lòng với	0,5

	cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, qua đó bộc lộ tình yêu quê hương đất nước sâu nặng của nhà thơ Tố Hữu. Đồng thời khẳng định Việt Bắc chính là cái nôi cách mạng. - Tính dân tộc không chỉ thể hiện qua nội dung còn được thể hiện qua hình thức nghệ thuật với giọng điệu ngọt ngào, sâu lắng ẩn tình cùng thể thơ lục bát truyền thống với nhiều cách tân. Câu thơ lúc dung dị, dân dã gần với ca dao, lúc thì cân xứng, nhịp nhàng, trau chuốt mà trong sáng. Nổi bật là câu tứ đối đáp quen thuộc trong ca dao - dân ca “mình -ta”.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
TỔNG ĐIỂM		10

-----Hết-----

ĐỀ PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA ĐỀ THI THAM KHẢO SỐ 8	KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Môn thi: NGỮ VĂN <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
--	---

I. ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản:

Điều cô chưa nói

*Trời đã không mưa cho tới buổi chiều nay
Các em đẹp bắt ngờ buổi sáng ngày bế giảng
Cái khoảnh khắc em cầm sen tạo dáng
Thướt tha áo dài điệu múa ở đằng xa*

*Sau sân trường này sẽ là những ngã ba
Các em phải đi và tự mình chọn lựa
Lắm chông gai và cũng nhiều lời hứa
Cám dỗ em, em phải biết giữ mình*

*Đời người tránh sao được những phút “chùng chình”
Ai cũng có một “bến quê” để lãng quên rồi mơ ước
Mong em bình tâm trước những điều mất được
Và bền gan đi đến cuối hành trình*

*Trái tim em thao thức một mối tình
Mối tình nói hay mối tình chưa ngỏ
Những hạnh phúc ngọt ngào hay phút giây làm lỡ
Những nỗi nhớ không lời, những cảm xúc không tên*

Và giấc mơ theo điệu múa cháy lên
Cô ở lại, cánh chim bay đi nhẹ
Lau nước mắt đi những tâm hồn rất trẻ
Ngoài cửa sổ này, chân trời mới đợi em

(“Điều cô chưa nói”- Hà Thị Hạnh,
Trích Văn học và Tuổi trẻ, số 5+ 6 năm 2014, tr 64)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2: Về đẹp của “em” trong ngày bế giảng hiện lên qua những hình ảnh nào?

Câu 3: Tác giả muốn gửi gắm tâm sự gì qua hai câu thơ:

*Lau nước mắt đi những tâm hồn rất trẻ
Ngoài cửa sổ này, chân trời mới đợi em*

Câu 4: Anh/chị có đồng tình với quan điểm của tác giả trong câu thơ “Sau sân trường này sẽ là những ngã ba/ Các em phải đi và tự mình chọn lựa” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung phần đọc hiểu hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh /chị về ý nghĩa của sự kiên trì trong cuộc sống.

Câu 2. (5,0 điểm)

“Trong phút chốc ngồi trước mặt chúng tôi lại vẫn là một người đàn bà đầy lúng túng, đầy sợ sệt nhưng có vẻ thông cảm với chúng tôi hơn. Mụ bắt đầu kể: Từ nhỏ tuổi tôi đã là một đứa con gái xấu, lại rỗ mặt, sau một bận lên đậu mùa. Hồi bấy giờ nhà tôi còn khá giả, nhà tôi trước ở trong cái phố này. Cũng vì xấu xí, trong phố không ai lấy, tôi có mang với một anh con trai một nhà hàng chài giữa phá hay đến nhà tôi mua bả về đan lưới. Lão chồng tôi khi ấy là anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm, không bao giờ đánh đập tôi.

Người đàn bà bỗng chép miệng, con mắt như đang nhìn suốt cả đời mình: Giá tôi đẻ ít đi, hoặc chúng tôi sắm được chiếc thuyền rộng hơn, từ ngày cách mạng về đã đỡ đỡ khổ chứ trước kia vào các vụ bắc, ông trời làm động biển suốt hàng tháng, cả nhà vợ chồng con cái toàn ăn cây xương rồng luộc chấm muối...

-Lão ta hồi bấy giờ có đi lính ngục không? Tôi bỗng hỏi một câu như lạc đề.

-Không chú à, cũng nghèo khổ, túng quẫn đi vì trốn lính-bỗng mụ đỏ mặt - nhưng cái lỗi chính là đám đàn bà ở thuyền đẻ nhiều quá, mà thuyền lại chật.

-Vậy sao không lên bờ mà ở - Đẩu hỏi.

-Làm nhà trên đất ở một chỗ đâu có được cái nghề lưới vó? Từ ngày cách mạng về, cách mạng đã cấp đất cho nhưng chẳng ai ở, vì không bỏ nghề được!

-Ở trên thuyền có bao giờ lão ta đánh chị không? - Tôi hỏi.

-Bất kể lúc nào thấy khổ quá là lão lôi tôi ra đánh, cũng như đàn ông thuyền khác uống rượu... Giá mà lão uống rượu...thì tôi còn đỡ khổ...Sau này con cái lớn lên, tôi mới xin được với lão... đưa tôi lên bờ mà đánh...

-Không thể nào hiểu được, không thể nào hiểu được! Đẩu và tôi cùng lúc thốt lên.”...

(Trích Chiếc Thuyền Ngoài Xa của Nguyễn Minh Châu- Ngữ Văn, tập hai, NXBGD 2017).

Phân tích nhân vật người đàn bà hàng chài qua đoạn trích trên. Từ đó bình luận ngắn gọn về quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu.

HƯỚNG DẪN GIẢI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		3.0
	1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm.	0.75
	2	Vẻ đẹp của “em” trong ngày bế giảng hiện lên qua những hình ảnh: em cầm sen tạo dáng, thướt tha áo dài điệu múa	0.75
	3	Qua hai câu thơ: <i>Lau nước mắt đi những tâm hồn rất trẻ/Ngoài cửa sổ này, chân trời mới đợi em:</i> + Người cô bộc lộ tình cảm yêu mến, xúc động, niềm tin, niềm hi vọng vào các em học sinh cuối cấp- thế hệ trẻ của đất nước. + Lời nhắn nhủ, động viên các em về con đường rộng mở, tương lai tươi sáng phía trước.	1.0
	4	Học sinh trả lời ngắn gọn rõ ý theo quan điểm cá nhân và giải thích hợp lí, tránh lối diễn đạt chung chung hoặc sáo rỗng.	0.5
II	LÀM VĂN		7.0
	1	Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về: ý nghĩa của sự kiên trì trong cuộc sống.	2.0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của sự kiên trì trong cuộc sống.	0.25
		c. Triển khai vấn đề cần nghị luận Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ vai trò của lòng kiên trì trên con đường dẫn đến thành công. Có thể theo hướng sau: - Giải thích: Kiên trì là không thay đổi ý định, ý chí để làm việc gì đó đến cùng, mặc dù gặp khó khăn, trở ngại. - Bàn luận: + Để đi đến thành công, đạt được mục tiêu trong cuộc sống mỗi cá nhân cần có quyết tâm, sự kiên trì dù đôi lúc gặp phải những khó khăn. -Ý nghĩa: +Làm cho con người trở nên bản lĩnh hơn, không sợ hãi hay lùi bước trước những khó khăn trong cuộc sống. +Trang bị cho con người những phẩm chất tốt đẹp, là chìa khóa dẫn đến sự thành công trong nhiều lĩnh vực. +Người có lòng kiên trì tích góp được cho mình nhiều kinh nghiệm quý giá và sự dẻo dai. + Người có lòng kiên trì nhẫn nại tạo ra nhiều mối quan hệ xã hội tốt đẹp, được mọi người tin tưởng và tín nhiệm. + Người có lòng kiên trì trong công việc là người không ngại khó, ngại khổ, được cấp trên tin tưởng và giao phó công việc quan trọng. +Người có lòng kiên trì là người có ý chí, nghị lực, không bao giờ từ bỏ ước mơ của mình và hành động tích cực để biến những mong ước thành hiện thực. -Mở rộng: Người không có lòng kiên trì thường chán nản, buông xuôi, bỏ dở công việc giữa chừng, khó thành công trong cuộc sống.	1.0

		- Bài học nhận thức và hành động: HS cần nỗ lực học tập, trau dồi phẩm chất đạo đức, tu dưỡng, rèn luyện kỹ năng, sống nghị lực và kiên trì trong cuộc sống....	
		<i>d. Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt mới mẻ, có suy nghĩ riêng sâu sắc về vấn đề nghị luận nhưng cần phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.	0.25
		<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.25
2		Phân tích nhân vật người đàn bà hàng chài qua đoạn trích trên. Từ đó bình luận ngắn gọn về quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu.	5.0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</i>	0.25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận: Nhân vật người đàn bà hàng chài qua đoạn trích</i> + <i>bình luận về quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu.</i>	0.5
		c. <i>Triển khai vấn đề thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể trình bày cảm nhận theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; cần đảm bảo những ý sau:	3.5
		1. Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Minh Châu, tác phẩm <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i>, đoạn trích, nhân vật người đàn bà hàng chài. 2. Cảm nhận nhân vật người đàn bà hàng chài trong đoạn trích - Ngoại hình xấu xí: + <i>một đứa con gái xấu,</i> + <i>rỗ mặt, sau một bận lên đậu mùa.</i> ->Không ai lấy, có mang với người con trai hay đến mua bả về đan lưới → làm nổi bật thân phận đáng thương của người đàn bà - Số phận bất hạnh: + Nghèo khổ : <i>Giá tôi để ít đi, hoặc chúng tôi sắm được chiếc thuyền rộng hơn, từ ngày cách mạng về đã đỡ đói khổ chứ trước kia vào các vụ bắt, ông trời làm động biển suốt hàng tháng, cả nhà vợ chồng con cái toàn ăn cây xương rồng luộc chấm muối...</i> + Đong con: <i>Giá tôi để ít đi, nhưng cái lỗi chính là đám đàn bà ở thuyền để nhiều quá, mà thuyền lại chật.</i> + Bị bạo hành: <i>Bất kể lúc nào thấy khổ quá là lão lôi tôi ra đánh, cũng như đàn ông thuyền khác uống rượu...Giá mà lão uống rượu...thì tôi còn đỡ khổ...</i> → Khốn khổ, bất hạnh, không có sự che chở yêu thương - Phẩm chất: + Sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời • <i>con mắt như đang nhìn suốt cả đời mình</i> ->chi tiết cho thấy người phụ nữ có vốn sống, hiểu biết cuộc đời sâu sắc • <i>Làm nhà trên đất ở một chỗ đâu có được cái nghề lưới vó? Từ ngày cách mạng về, cách mạng đã cấp đất cho nhưng chẳng ai ở, vì không bỏ nghề được!</i> ->Người đàn bà quê mùa, thất học đã chỉ cho Phùng và Đẩu bắt cập trong chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước + Nhân hậu, vị tha, hi sinh vì con	

	- Với chồng: Thấu hiểu nỗi khổ của chồng; <i>Bất kể lúc nào thấy khổ quá là lão lôi tôi ra đánh</i> -> người đàn bà hiểu chồng đánh mình không phải vì ghét mà vì cuộc sống mưu sinh đè nặng, vì hoàn cảnh sống tối tăm nên người chồng đánh vợ như 1 cách giải tỏa đau đớn, khổ sở trong lòng; <i>cái lỗi chính là đám đàn bà ở thuyền để nhiều quá, mà thuyền lại chật</i> -> tự nhận lỗi về mình: coi mình là 1 nguyên nhân đẩy người chồng tới đau khổ - Với con: Sợ con bị tổn thương nên xin chồng lên bờ đánh → Đằng sau cái vẻ lam lũ, cam chịu là tình thương vô bờ bến dành cho chồng, con – hình ảnh tiêu biểu người phụ nữ Việt Nam .Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Nhân vật đặt trong cuộc đối thoại giữa Phùng, Đẩu; Ngôn ngữ đối thoại sinh động; Lời văn giản dị mà sâu sắc, đa nghĩa.... 3. Nhận xét về quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu: - Nghệ thuật phải gắn liền với hiện thực cuộc sống. - Nhà văn phải có cái nhìn đa diện nhiều chiều, phát hiện ra bản chất thật của hiện tượng, con người.	
	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, chuẩn ngữ pháp của câu, ngữ nghĩa của từ.	0.25
	e. Sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5

ĐỀ PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA ĐỀ THI THAM KHẢO SỐ 9	KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Môn thi: NGỮ VĂN <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
---	--

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau

Khi bóng đá kết nối bản sắc, văn hóa và trái tim

Bóng đá không chỉ là một môn thể thao mà còn là cầu nối cho hàng tỉ người hâm mộ từ khắp nơi trên thế giới, nơi tất cả giao tiếp bằng một ngôn ngữ là bóng đá.

Bóng đá không chỉ là một môn thể thao. Nó đã trở thành một hiện tượng văn hóa toàn cầu thu hút hàng triệu người hâm mộ không kể biên giới và rào cản châu lục. Bóng đá đã trở thành một phần trong bản sắc của nhiều quốc gia nhờ lịch sử lâu đời và sự tác động đáng kể đến xã hội.

Sở dĩ bóng đá được ưa chuộng đến vậy xuất phát từ niềm tin rằng chúng ta chỉ có một cuộc đời để sống và sự thôi thúc bước ra khỏi vùng an toàn của mình. Cho dù bạn đang theo đuổi bất kì mục tiêu nào trong cuộc đời, thì khi nhìn vào bóng đá, bạn sẽ thấy nó tái hiện lại tất cả những yếu tố cần thiết để có được thành công: tính kiên trì, tính cạnh tranh và tinh thần đồng đội.

Sự lan tỏa của văn hóa bóng đá

World Cup không chỉ là một giải đấu, đó là phép ẩn dụ cho thực tế của chính chúng ta. Cuộc chiến giành lấy những thành tựu trong cuộc đời, và những trở ngại mà chúng ta vượt qua để phát huy hết khả năng của mình. Một điều tuyệt vời nữa trong bóng đá đó là khi ở trong một đội, tất cả đều như nhau, được chia sẻ văn hóa, ngôn ngữ và mang chung một niềm tự hào.

Đối với những giải đấu toàn cầu, đó là nơi tôn vinh nơi mà bạn được sinh ra. Chiến đấu vì màu cờ sắc áo tạo ra ý thức mạnh mẽ về truyền thống dân tộc, tôn vinh cảm giác gắn kết.

Bóng đá dạy chúng ta phải có tham vọng và tinh thần thi đấu sòng phẳng, cao thượng. Khi chiến thắng, ta vui mừng, hạnh phúc, nhưng khi mọi thứ không diễn ra như cách ta muốn,

đó là lúc chuẩn bị cho cơ hội tiếp theo và thử lại. Trong bóng đá, không có cơ hội nào tự tìm đến, mà chính chúng ta phải chiến đấu cho những gì mình mong muốn.

Dù đến từ những vùng lãnh thổ khác nhau, nhưng với bóng đá, tất cả cùng chia sẻ niềm đam mê bất kể trình độ học vấn, dân tộc hay tín ngưỡng. Bóng đá khiến tất cả mọi người sống với cảm xúc, cởi bỏ những rào cản của trái tim, cho dù đó là cổ vũ cho một CLB địa phương hay đội tuyển quốc gia, thì trải nghiệm được chia sẻ về đội bóng yêu thích sẽ kéo mọi người lại gần nhau hơn, nuôi dưỡng cảm giác gắn kết cộng đồng và đoàn kết. Mỗi quan tâm chung này giúp mọi người vượt qua sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, đoàn kết những người đến từ mọi tầng lớp xã hội.

(Theo Thethao247, <https://baothaibinh.com.vn/tin-tuc/>, ngày 9/08/2023)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Theo văn bản, bóng đá đã dạy cho ta điều gì?

Câu 3. Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu *Bóng đá không chỉ là một môn thể thao mà còn là cầu nối cho hàng tỉ người hâm mộ từ khắp nơi trên thế giới, nơi tất cả giao tiếp bằng một ngôn ngữ là bóng đá.*

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với quan điểm: *không có cơ hội nào tự tìm đến, mà chính chúng ta phải chiến đấu cho những gì mình mong muốn* không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn khoảng 200 chữ nêu suy nghĩ của anh/chị về điều cần làm để gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc

Câu 2 (5,0 điểm)

Đất là nơi anh đến trường

Nước là nơi em tắm

Đất Nước là nơi ta hò hẹn

Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm

Đất là nơi “con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc”

Nước là nơi “con cá ngư ông móng nước biển khơi”

Thời gian đằng đẳng

Không gian mênh mông

Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ

Đất là nơi Chim về

Nước là nơi Rồng ở

Lạc Long Quân và Âu Cơ

Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng

Những ai đã khuất

Những ai bây giờ

Yêu nhau và sinh con đẻ cái

Gánh vác phần người đi trước để lại

Dặn dò con cháu chuyện mai sau

Hằng năm ăn đâu làm đâu

Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ

(Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước*, Ngữ văn 12, tập 1, NXBGD VN, 2018, tr.118, 119)

Phân tích đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét về sức hấp dẫn của thơ Nguyễn Khoa Điềm.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	0,75
	2	Theo văn bản, bóng đá đã dạy cho ta “phải có tham vọng và tinh thần thi đấu sòng phẳng, cao thượng”	0,75
	3	- Biện pháp tu từ được sử dụng: so sánh: bóng đá - cầu nối - Tác dụng: Làm tăng sức gợi hình gợi cảm, khiến lời văn thêm hấp dẫn, thuyết phục; khẳng định vai trò đặc biệt của bóng đá khi kết nối con người trên toàn thế giới; thể hiện thái độ trân trọng, tôn vinh môn thể thao “vua”.	1,0
	4	- HS nêu rõ quan điểm: đồng tình/ không đồng tình/ vừa đồng tình vừa không đồng tình và lí giải thuyết phục. Sau đây là một gợi ý Tôi hoàn toàn đồng tình với ý kiến “không có cơ hội nào tự tìm đến, mà chính chúng ta phải chiến đấu cho những gì mình mong muốn”. Bởi vì cuộc sống luôn vận động không ngừng và những cơ hội không bao giờ tự đến. Nếu chúng ta luôn nỗ lực chiến đấu vì những mục tiêu của bản thân thì ta sẽ ngày càng vững vàng, trưởng thành, tự tin và đạt được thành công như mong muốn. Ngược lại, nếu cứ ngồi chờ cơ hội thì sẽ nhanh chóng bị dòng đời bỏ lại phía sau, trở thành kẻ thất bại.	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ về điều cần làm để gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> điều cần làm để gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vấn đề điều cần làm để gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Có thể theo hướng: - Trau dồi kiến thức văn hóa dân tộc để chúng ta có được cái nhìn tổng quan đồng thời hiểu rõ được nét đẹp đặc trưng trong nền văn hóa dân tộc. Tiếp thu những tinh hoa ấy không chỉ để trang bị cho hành trình “giữ lửa” mà đó còn là hành trang trên con đường “truyền lửa” đưa văn hóa dân tộc đến với thế giới. - Việc học hỏi, tiếp thu những kiến thức, văn hóa mới là điều cần thiết. Tuy nhiên, chúng ta chỉ nên giao lưu, học hỏi những cái đẹp cái hay phù hợp với văn hóa dân tộc mình và vận dụng những điều đó đúng nơi, đúng thời điểm chứ không nên lạm dụng một cách thái quá, lố lãng văn hóa từ nước ngoài. - Tăng cường tuyên truyền, quảng bá nét đẹp văn hóa dân tộc bởi chỉ làm người giữ lửa thôi là chưa đủ, để bản sắc văn hóa không bị phai	1,0

		mở mỗi chúng ta phải trở thành người truyền lửa, đưa nét đẹp văn hóa đến với anh em, bạn bè quốc tế. - Lên tiếng trước những hành vi lệch lạc, học đòi văn hóa nước ngoài làm mất đi bản sắc văn hóa dân tộc...	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Phân tích đoạn thơ trong đoạn trích “Đất Nước”. Từ đó, nhận xét về sức hấp dẫn của thơ Nguyễn Khoa Điềm.	5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Phân tích đoạn thơ trong đoạn trích “Đất Nước”. Từ đó, nhận xét về sức hấp dẫn của Nguyễn Khoa Điềm.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng; bảo đảm các yêu cầu sau:	
		<i>*Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Khoa Điềm, đoạn trích “Đất Nước” và đoạn thơ</i>	0,5
		<i>* Phân tích đoạn thơ</i> - Đoạn thơ sử dụng biện pháp điệp cấu trúc “Đất là....Nước là....Đất Nước là...” Tác giả đã khai thác cấu tạo từ tiếng Việt - từ ghép “Đất Nước” để đi sâu vào từng thành tố làm nên Đất Nước. Nhà thơ đã tách từ “Đất Nước” thành Đất và nước rồi lại hợp nhất trong một chỉnh thể thống nhất hài hòa. Cứ thế, tách ra rồi hợp lại, hợp lại rồi tách ra. “Đất Nước” hiện ra vừa cụ thể, riêng tư, gần gũi, vừa lớn lao, cao cả, thiêng liêng. - Đất Nước được định nghĩa trên hai phương diện: không gian địa lý và thời gian lịch sử. + Về không gian địa lí: . Đất Nước với Nguyễn Khoa Điềm là những không gian rất gần gũi với cuộc sống con người “nơi anh đến trường, nơi em tắm”. Đất Nước hiện hình cụ thể, riêng biệt mà rất đời quen thuộc: Đất là con đường hàng ngày đi học, nơi có bạn bè vô tư, hồn nhiên, trong sáng tuổi thần tiên, nơi dạy ta biết yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ. Nước là cây đa, bến nước, dòng sông tươi mát, hiền hòa nơi có nước gương trong soi tóc những hàng tre với cây đa, bến nước, con thuyền nhỏ nhoi đang lững lờ xuôi mái. Đặc biệt Đất Nước tồn tại ngay cả trong không gian riêng tư, thầm kín nhất của tình yêu đôi lứa “nơi ta hò hẹn, nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm”. Đó là không gian riêng tư, không gian gắn liền với tình yêu đôi lứa. Ở không gian đó, anh và em đã lần đầu hò hẹn, đã trao cho nhau những rung động thầm kín của mối tình đầu, để từ ngày	2,5

	đó, em biết thương, biết nhớ, biết gửi vào chiếc khăn tay kỉ niệm bao rung động thôn thức của trái tim yêu buổi ban đầu. . Không gian Đất Nước được mở rộng: "Đất là nơi "con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc" Nước là nơi "con cá ngư ông móng nước biển khơi"" Lấy ý từ câu hát dân gian Bình Trị Thiên ngọt ngào sâu lắng: "Con chim phượng hoàng bay ngang hòn núi bạc - Con cá ngư ông móng nước ngoài khơi - Gặp nhau đây xin phân tỏ đôi lời - Kẻo mai kia con cá về sông vịnh, con chim nọ đổi dời về non xanh", câu thơ đưa người đọc về với những không gian đất nước thân thương. Những từ "núi bạc", "biển khơi",... mang âm hưởng dân gian gợi ra một đất nước mệnh mông, giàu đẹp, yên ả, thanh bình. . Đất Nước là không gian sinh tồn đời thường, không gian cổ kết dân tộc của nhân dân qua bao thế hệ "nơi dân mình đoàn tụ" Như vậy, trong cách nhìn về không gian Đất Nước, nhà thơ kết hợp cả không gian riêng tư, không gian đời thường với tâm vóc lớn lao, kì vĩ để phát hiện ra một Đất Nước rất đời thân quen mà thiêng liêng, cao cả. + Về thời gian lịch sử . Đất Nước hiện lên thiêng liêng, hào hùng trong quá khứ gắn liền với huyền thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ: "Đất là nơi Chim về Nước là nơi Rồng ở Lạc Long Quân và Âu Cơ Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng". Ở đoạn thơ này, những hình tượng quen thuộc trong thần thoại, truyền thuyết như Chim, Rồng, Lạc Long Quân, Âu Cơ, bọc trăm trứng cùng tụ về trong trường liên tưởng của nhà thơ. Sự hội tụ ấy làm bật lên ý thơ có tầm khái quát cao: dân tộc ta có nguồn gốc cao quý con Rồng cháu Tiên. Đất Nước ta là nơi đất lành Chim về, là đất thiêng nơi Rồng ở. Dân tộc Việt là anh em một nhà cùng sinh ra từ bọc trăm trứng của cha Lạc Long Quân và mẹ Âu Cơ. Một dân tộc có cội nguồn văn hóa, có truyền thống lâu đời, rất đời thân thương như thế chính là Đất Nước của Nhân Dân. . Đất Nước còn được cảm nhận trong suốt thời gian lịch sử từ quá khứ những ai đã khuất" đến hiện tại "những ai bây giờ" và tương lai "yêu nhau và sinh con đẻ cái". Mỗi thế hệ tiếp nối đều mang trên vai trọng trách gìn giữ truyền thống tốt đẹp của quá khứ và phát triển, trao truyền cho các thế hệ sau. Một trong những truyền thống quý báu được nhắc tới là tinh thần hướng về cội nguồn: "Hàng năm ăn đâu làm đâu Cũng biết cúi đầu nhớ ngày Giỗ Tổ" - Nghệ thuật: Đoạn thơ hội tụ nhiều nét đặc sắc của nghệ thuật thơ Nguyễn Khoa Điềm: thể thơ tự do với những câu thơ dài ngắn tuôn trào theo mạch cảm xúc, hệ thống hình ảnh gần gũi thân thuộc, sử dụng thi liệu văn hóa, văn học dân gian sáng tạo, giọng thơ vừa triết luận vừa thủ thỉ tâm tình... - Đánh giá chung: Qua đoạn thơ, Nguyễn Khoa Điềm đã trình bày	
--	---	--

		được một ý niệm về Đất Nước thật độc đáo, hấp dẫn; vừa thiêng liêng, vừa hiện hữu rõ ràng, vừa có chiều sâu văn hoá lịch sử, vừa bình dị thân quen với cuộc sống hàng ngày. Đó là một đóng góp quan trọng của Nguyễn Khoa Điềm làm sâu thêm ý niệm về đất nước của nhân dân cho thơ ca hiện đại.	
		<i>* Nhận xét về sức hấp dẫn của thơ Nguyễn Khoa Điềm</i> - Thơ ông có sự kết hợp giữa xúc cảm nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước, con người Việt Nam. Ông đã có những khám phá mới mẻ và sâu sắc khi thể hiện về hình tượng Đất Nước trên nhiều bình diện: địa lý, lịch sử, văn hóa. - Thơ ông có giọng điệu riêng, vừa tâm tình sâu lắng thiết tha vừa đầy suy tư triết lý. Màu sắc văn hóa dân gian mà ông đem vào thơ cũng tạo nên một không gian vừa gần gũi thân thuộc với tâm hồn mỗi người Việt Nam lại vừa bay bổng lãng mạn. - Ngôn ngữ thơ vừa giản dị tự nhiên theo kiểu "thơ trữ tình điệu nói" lại vừa uyển chuyển đầy sáng tạo. Ấn sâu trong đó là chiều sâu trí tuệ, văn hóa và một tình yêu đối với đất nước.	0,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
TỔNG ĐIỂM			10

ĐỀ PHÁT TRIỂN TỪ ĐỀ MINH HỌA ĐỀ THI THAM KHẢO SỐ 10	KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024 Môn thi: NGỮ VĂN <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
--	--

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

Thái độ sống

Thái độ bao trùm lên tất cả,
Thực hơn cả một tảng đá
Thế giới như được tô màu
Trên từng điểm, giao hòa.

Trong cái chớp mắt vội bật ra
Những ngôn từ trở thành lời đánh giá
Như một cái kẹp được bấm lại
Giữ chặt tâm hồn ta.

Và chỉ trong một giây
Vững tin vào những điều mình nghĩ
Như lời nói đã trở thành chân lý

*Trái đất vẫn tròn xoay.
Không có ranh giới giữa đúng và sai
Vì tất cả chỉ là quan điểm.*

*Ta không phải là bầu trời
Ta không phải là những miên man giục gọi
Chỉ thái độ
Mới là những gì ta có được mà thôi.*

(Trích *Dám chấp nhận*, Ernie Carwile, Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, trang 69, 70)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Xác định thể thơ được sử dụng trong bài thơ trên.

Câu 2: Chỉ ra phép tu từ được thể hiện trong những dòng thơ sau:

*Ta không phải là bầu trời
Ta không phải là những miên man giục gọi*

Câu 3: Những dòng thơ sau gợi nhắc cho anh/ chị điều gì về thái độ sống:

*Thái độ bao trùm lên tất cả,
Thực hơn cả một tảng đá
Thế giới như được tô màu
Trên từng điểm, giao hòa.*

Câu 4: Thông điệp ý nghĩa nhất anh/ chị nhận được sau văn bản là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về điều cần làm để trở thành phiên bản tốt hơn của chính mình.

Câu 2. (5,0 điểm)

Hỡi đồng bào cả nước,

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được trong những quyền ấy có quyền được sống quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Lời bất hủ ấy trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”.

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

(Trích *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh, Sách giáo khoa Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo dục, tr. 26)

Phân tích đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về tính sáng tạo trong nghệ thuật lập luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0

	1	Thể thơ: Tự do	0,75
	2	Phép tu từ được thể hiện trong những dòng thơ: Điệp cấu trúc câu “ <i>Ta không phải là...</i> ”	0,75
	3	Những dòng thơ là quan điểm của tác giả về thái độ sống. Thái độ sống – còn được hiểu là cách thể hiện suy nghĩ và hành động trước một sự vật, hiện tượng nào đó thực sự có ảnh hưởng to lớn và mạnh mẽ đến chúng ta. Nó là một trong những yếu tố khiến cuộc sống trở nên phong phú hơn.	1,0
	4	<i>Thí sinh rút ra được thông điệp phù hợp và lí giải.</i> Chẳng hạn: - Hãy có thái độ sống đúng đắn vì đó điều cần thiết bởi ai cũng có nhu cầu thể hiện suy nghĩ và hành động trước một sự vật, hiện tượng nào đó trong đời sống, tuy nhiên đừng để thái độ sống của mình ảnh hưởng đến cảm xúc hay cuộc sống của người khác.	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về điều cần làm để trở thành phiên bản tốt hơn của chính mình.	2,0
		a. <i>Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Điều cần làm để trở thành phiên bản tốt hơn của chính mình.	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ điều cần làm để trở thành phiên bản tốt hơn của chính mình. Có thể theo hướng: - Trước tiên, cần hiểu bản thân; hiểu những mong muốn, khao khát; hiểu điểm mạnh, điểm yếu và xác định rõ mục tiêu rõ ràng cho tương lai. - Sau đó, nghiêm túc kỷ luật hành động và phải kiên trì, nỗ lực theo đuổi đến cùng, không chán nản hay từ bỏ nếu gặp khó khăn, thách thức - Song song với đó, học tập, rèn luyện tiếp thu những tri thức xung quanh để hoàn thiện bản thân mình trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình.	1,0
		d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Phân tích đoạn trích mở đầu bản Tuyên ngôn độc lập. Từ đó, nhận xét tính sáng tạo trong nghệ thuật lập luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh.	5,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25

	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Phân tích đoạn trích mở đầu bản “Tuyên ngôn độc lập” và nhận xét tính sáng tạo trong nghệ thuật lập luận của Hồ Chí Minh.	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng; bảo đảm các yêu cầu sau:	
	*Giới thiệu khái quát về tác giả Hồ Chí Minh, tác phẩm “Tuyên ngôn độc lập” và đoạn trích	0,5
	* Phân tích đoạn trích: - “Tuyên ngôn độc lập” ra đời trong một tình thế hết sức ngặt nghèo nhưng lại được ví như là thử thách quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Lúc này trên thế giới cuộc chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Thực dân Pháp gián tiếp chuẩn bị cho xâm lược nước ta lần thứ hai, chúng tạo dư luận quốc tế: Pháp có công khai hóa Đông Dương, đây vốn là đất bảo hộ của Pháp bị chiếm, nay Nhật đã đầu hàng Đồng minh, Pháp đương nhiên có quyền trở lại Đông Dương để thay thế quân đội Nhật. Tình hình trong nước nhân dân đoàn kết nổi dậy khởi nghĩa hành chính quyền. Như nhìn thấu mưu đồ ấy, ngày 26 tháng 8 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội, tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang người đã soạn bản Tuyên ngôn. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. - Trích dẫn hai Bản Tuyên ngôn của nước Mỹ và nước Pháp, nguyên do là vì: + Thứ nhất, đây là hai Bản Tuyên ngôn được coi là hai mốc son chói lọi trong sự nghiệp phát triển nhân loại, đánh dấu bước chuyển mình của cả nhân loại. Vì thế, mở đầu bằng cách trích dẫn như vậy của Bác đã thể hiện sự trân trọng và tư tưởng kế thừa tinh hoa văn hóa nhân loại của Người. . Để khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc ta là đúng và phù hợp với công luận quốc tế, mở đầu tuyên ngôn Người không ôn lại những trang sử chói lọi của dân tộc, không mang những ngôn từ quan điểm riêng của mình mà trích dẫn nguyên văn những lời bất hủ trong “Tuyên ngôn độc lập” của Mỹ năm 1776: Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền sung sướng và quyền tự do”, tiếp sau là bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1791: “Người ta sinh ra tự do bình đẳng về quyền lợi và luôn phải tự do bình đẳng về quyền lợi”. . Có thể thấy nội dung của hai bản Tuyên ngôn đã đề cập đến chân lý cao cả mà nhân dân nước Mỹ và Pháp đã phải đổ biết bao xương máu và cả nước mắt để viết lên. Bởi từ lịch sử cho thấy Tuyên ngôn độc lập nước Mỹ ra đời sau khi Mỹ đấu tranh giành độc lập thành công. Còn Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp cũng ra đời sau chiến thắng chống áp bức bất công. Vậy nên tự thân nó đã cho thấy tính nhân văn và tiến bộ được kết tinh từ chân lý thời đại và được	2,5

	toàn thế giới công nhận. + Thứ hai, đây là hai nước được coi là cường quốc lúc bấy giờ và có sức ảnh hưởng rất rộng trên thế giới. Đưa vào trích dẫn sẽ là cơ sở pháp lý rất vững chắc cho Bản Tuyên ngôn của Việt Nam. Bao năm bốn ba nước ngoài tìm đường giải phóng dân tộc Chủ tịch Hồ Chí Minh Hiểu được sâu sắc rằng: Giành được độc lập đã khó, để nền độc lập đó được tất cả các nước công nhận, tôn trọng còn khó hơn rất nhiều lần. Muốn được mọi người thừa nhận phải xuất phát từ nền tảng lý lẽ vững chắc có chân lý mang tính thuyết phục cao. Nên việc trích dẫn đã cho thấy nếu nước Pháp và Mỹ đã đề cập đến quyền con người như một tất yếu của tạo hóa thì một lần nữa Người khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam là đi từ chính những lời lẽ tổ tiên người Mỹ và người Pháp đặt ra, họ không có quyền được xâm phạm. + Thứ ba, đây là hai bản Tuyên ngôn lớn, trích dẫn là cách gián tiếp khẳng định vị thế của dân tộc Việt Nam ngang hàng với nền độc lập của Mỹ, Pháp hay bất cứ dân tộc nào trên thế giới. Với Hồ Chí Minh cuộc vùng dậy phá tan xiềng xích của dân ta giành quyền làm người trong một đất nước có chủ quyền được so sánh với những cuộc cách mạng của các dân tộc thuộc địa Bắc Mỹ đấu tranh thoát khỏi ách thực dân Anh, cuộc cách mạng Dân quyền và Nhân quyền của Pháp cuối thế kỷ XVIII. Nếu hai nước Mỹ, Pháp giành độc lập, tự do từ quá đấu tranh bảo vệ lẽ phải và quyền con người thì dân tộc Việt Nam cũng giành được tự do, độc lập từ quá trình đấu tranh trả giá bằng xương máu, do đó, vị thế của dân tộc Việt Nam ngang hàng với nền độc lập của Mỹ, Pháp hay bất cứ dân tộc nào trên thế giới. + Thứ tư, đó là kẻ sách “Gậy ông đập lưng ông” của Người. Gắn với hoàn cảnh ra đời của Bản Tuyên ngôn từ sự phân tích tình hình thực tiễn, người đã viết đã tiên cảm thấy có những kẻ đang cố tình toan tính âm mưu “chối cãi”, chà đạp lên “lẽ phải”. Kẻ đó là thực dân Pháp với luận điệu xảo trá, lừa bịp dư luận thế giới để quay lại đặt ách nô dịch. Kẻ đó là đế quốc Mỹ đang núp sau quân Tưởng âm mưu nhòm ngó can thiệp sâu vào Đông Dương. Để ngăn chặn âm mưu toan tính ấy Người đã dùng lý lẽ của đối thủ để bác bỏ chính đối thủ. Muốn chối cãi lẽ phải thì hãy đọc lại những lời lẽ mà tổ tiên mình từng nói. Nếu Pháp và Mỹ cố tình đi ngược lại tức là họ đã phủ nhận chính tổ tiên mình làm vậy bùn lên là cớ nhân đạo đã từng là niềm tự hào của cha ông họ. Như vậy nghệ thuật “Gậy ông đập lưng ông” giúp Hồ Chí Minh gạt bỏ và ngăn chặn âm mưu toan tính sâu xa của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. - Nghệ thuật trích dẫn cho thấy Hồ Chí Minh thể hiện sự nhạy cảm về chính trị và sắc sảo về tư duy. Nếu nước Mỹ và nước Pháp đã đề cập đến quyền con người như một sự tất yếu của tạo hóa thì một lần nữa Người khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam là đi từ chính những lời lẽ của tổ tiên người Mỹ, người Pháp đặt ra - Hai bản Tuyên ngôn đã được toàn thế giới công nhận về tính nhân văn và tiến bộ về quyền lợi con người, đề cao con người và nói về con người. - Nghệ thuật lập luận phần mở đầu tuyên ngôn vừa có tính nghệ thuật sắc bén lại vừa thể hiện được sự khéo léo và kiên quyết, thông minh và sáng tạo của Hồ Chí Minh. + Khéo léo bởi Bác đã trân trọng những tư tưởng tiến bộ của người	
--	--	--

	Pháp và Mỹ, những chân lý và truyền thống vẻ vang của họ. + Kiên quyết khi bản Tuyên ngôn độc lập một mặt khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam dựa trên những chân lý mà người Mỹ và người Pháp đưa ra, một mặt ngầm cảnh báo họ: Nếu thực dân Pháp tấn công Việt Nam thêm một lần nữa thì chính họ đã phản bội lại tổ tiên của mình, làm dơ bản lá cờ nhân đạo mà dân tộc họ đã bao đời gây dựng lên. + Thông minh và sáng tạo bởi lời “suy rộng ra” của Người mang tầm tư tưởng lớn của nhà cách mạng khi phát triển từ quyền con người thành quyền tự do, độc lập của dân tộc, mặt khác ngầm đặt ba bản Tuyên ngôn của ba nước Việt Nam - Mỹ - Pháp ngang bằng nhau từ đó gián tiếp khẳng định thành quả to lớn của Cách mạng tháng Tám, thể đứng của dân tộc Việt Nam về quyền độc lập, tự do, cuộc cách mạng của dân tộc Việt Nam là do nhân dân Việt Nam đồng lòng để cùng lúc lật đổ được chế độ phong kiến, chế độ thực dân và chế độ phát xít. Điều ấy kín đáo gợi niềm tự hào dân tộc. Nó khiến chúng ta càng cảm nhận, càng tự hào, còn quốc tế càng độc, càng không khỏi khâm phục. Vì thế, tuyên ngôn độc lập của dân tộc Việt Nam “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”. - Đặc sắc nghệ thuật: + Cách viết ngắn gọn, trong sáng, giản dị. + Sử dụng sáng tạo, linh hoạt các thủ pháp nghệ thuật khác nhau đặc biệt là nghệ thuật trích dẫn và lập luận nhằm mục đích thiết thực cho tác phẩm. + Tư tưởng, tình cảm luôn vận động một cách tự nhiên hướng về nền tự do, độc lập của dân tộc. - Đánh giá chung: + Với nghệ thuật lập luận sắc bén, chủ tịch Hồ Chí Minh trong đoạn đầu bản “Tuyên ngôn độc lập” đã “suy rộng ra” và khẳng định chân lý: Mọi người, mọi dân tộc trên thế giới đều bình đẳng, có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. + Đoạn mở đầu góp phần tạo nên giá trị sâu sắc của bản tuyên ngôn: là áng văn chính luận mẫu mực đầy tâm huyết, một nghệ thuật lập luận bậc thầy trong lịch sử văn học dân tộc.	
	* Nhận xét tính sáng tạo trong nghệ thuật lập luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tính sáng tạo trong nghệ thuật lập luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện ở khía cạnh Người đã nâng quyền tự do, độc lập của cá nhân lên thành quyền tự do, độc lập của dân tộc: <i>Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.</i> Mặt khác, ngầm đặt ba bản Tuyên ngôn của ba nước Việt Nam - Mỹ - Pháp ngang bằng nhau từ đó gián tiếp khẳng định ý nghĩa và thành quả to lớn của Cách mạng tháng Tám cũng như thể đứng của dân tộc Việt Nam về quyền độc lập, tự do trên trường quốc tế. Điều ấy còn kín đáo gợi niềm tự hào dân tộc mạnh mẽ. - Tính sáng tạo trong nghệ thuật lập luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thể hiện ở khía cạnh Người đã nêu cao quyền bình đẳng của con người xóa bỏ mọi khoảng cách giữa giai cấp, chủng tộc, giới tính:	0,5

	“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”. Đó là những lẽ phải không thể chối cãi được. =>Như vậy, tính sáng tạo trong nghệ thuật lập luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh góp phần tạo nên căn cứ pháp lí vững chắc cho bản “Tuyên ngôn độc lập”. Theo đó, “Tuyên ngôn độc lập” đã trở thành áng văn chính luận mẫu mực, xuất sắc trong lịch sử văn học dân tộc.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
TỔNG ĐIỂM		10

-----Hết-----